



NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BẰNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN
NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Sách giáo khoa được thẩm định bởi Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa lớp 4
(theo Quyết định số 1908/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BĂNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Yêu cầu cần đạt

Những mục tiêu học sinh đạt được sau khi học xong mỗi bài.

Khởi động

Những hoạt động dẫn dắt học sinh vào bài mới, tạo hứng thú và xác định nhiệm vụ học tập cho học sinh.

Khám phá

Những nội dung của bài học (kênh hình, kênh chữ, các hoạt động) và hệ thống câu hỏi giúp học sinh hình thành kiến thức, kỹ năng.

Câu hỏi giao nhiệm vụ học tập cho học sinh trong từng nội dung bài học.

Bài 18

PHỐ CỔ HỘI AN

Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lý của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (ví dụ: Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,...) có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.



Khởi động

Quan sát hình 1, em hãy chọn và gọi tên di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung được UNESCO công nhận.



a



b



c

Hình 1. Một số di sản của Việt Nam



Khám phá

1. Vị trí địa lý

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của phố cổ Hội An.

Phố cổ Hội An thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Phần lớn phố cổ nằm ở phường Minh An, bên bờ sông Hoài – một nhánh của sông Thu Bồn.



Em có biết?

Tháng 12 năm 1999, phố cổ Hội An đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới.

74



Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm thiên nhiên vùng Nam Bộ.



Vận dụng

Em hãy sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một địa danh ở vùng Nam Bộ và chia sẻ với các bạn trong nhóm của mình.

Luyện tập

Những câu hỏi, bài tập để học sinh củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kỹ năng.

Vận dụng

Sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn hoặc để trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lý, xã hội ở mức độ đơn giản.



Em có biết?



Hình 10. Tôm hùm bông

Nghề nuôi tôm hùm

Ở Việt Nam, tôm hùm được nuôi chủ yếu từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Hiện nay, tôm hùm bông và tôm hùm xanh đang là hai loại tôm được nuôi nhiều nhất cả nước.

Em có biết

Những thông tin hỗ trợ, bổ sung nhằm minh hoạ thêm cho nội dung của bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 4* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được biên soạn bám sát Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học.

Sách gồm 27 bài học, sắp xếp theo các chủ đề khác nhau. Ngoài phần Mở đầu giúp các em làm quen với nhiều phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí, mạch kiến thức chính được thiết kế theo 6 chủ đề, bao gồm: Địa phương em, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Các em sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về chính địa phương em đang sinh sống; sau đó, sẽ được tìm hiểu về địa lí và lịch sử của các vùng trên cả nước.

Hệ thống kênh chữ, kênh hình, hoạt động trong sách được các tác giả chú ý lựa chọn và biên soạn kĩ lưỡng với mong muốn đem đến cho các em một tư liệu học tập bổ ích và hấp dẫn. Hi vọng, các em sẽ có một chặng đường đồng hành thật thú vị cùng quyển sách này.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
MỤC LỤC	4
MỞ ĐẦU	5
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	5
CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)	11
Bài 2. Thiên nhiên và con người địa phương	11
Bài 3. Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương	14
CHỦ ĐỀ 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	15
Bài 4. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	15
Bài 5. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	20
Bài 6. Một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	23
Bài 7. Đền Hùng và Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương	27
CHỦ ĐỀ 3: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	32
Bài 8. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	32
Bài 9. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	37
Bài 10. Một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ	41
Bài 11. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	44
Bài 12. Thăng Long – Hà Nội	48
Bài 13. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	53
CHỦ ĐỀ 4: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	56
Bài 14. Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung	56
Bài 15. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung	61
Bài 16. Một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	66
Bài 17. Cố đô Huế	70
Bài 18. Phố cổ Hội An	74
CHỦ ĐỀ 5: TÂY NGUYÊN	78
Bài 19. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	78
Bài 20. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên	82
Bài 21. Một số nét văn hoá và lịch sử của đồng bào Tây Nguyên	85
Bài 22. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên	89
CHỦ ĐỀ 6: NAM BỘ	92
Bài 23. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	92
Bài 24. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ	97
Bài 25. Một số nét văn hoá và truyền thống cách mạng ở vùng Nam Bộ	101
Bài 26. Thành phố Hồ Chí Minh	104
Bài 27. Địa đạo Củ Chi	108
HƯỚNG DẪN ÔN TẬP	112
THUẬT NGỮ	113

Bài 1

LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật,...
- Sử dụng được một số phương tiện môn học vào học tập môn Lịch sử và Địa lí.



Khởi động

Lịch sử và Địa lí là một môn học thú vị. Để học tốt môn này, em cần một số phương tiện học tập hỗ trợ. Hãy kể với các bạn một vài phương tiện học tập mà em biết.



Khám phá

1. Bản đồ, lược đồ

Quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên các yếu tố của lược đồ và xác định các hướng: bắc, nam, đông, tây trên lược đồ.
- Kể tên các dãy núi và cao nguyên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ của toàn bộ bề mặt Trái Đất hay một khu vực theo một tỉ lệ nhất định.

Lược đồ là hình vẽ thu nhỏ của một khu vực theo một tỉ lệ nhất định, có nội dung giản lược hơn bản đồ.

Để sử dụng bản đồ, lược đồ, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên bản đồ, lược đồ để biết được những thông tin chính, khu vực được thể hiện trên bản đồ, lược đồ.
- Đọc chú giải để biết được các kí hiệu trong bản đồ, lược đồ thể hiện những đối tượng địa lí, lịch sử nào.
- Đọc các thông tin trên bản đồ, lược đồ để trả lời cho các câu hỏi.



Quan sát hình 2,
em hãy:

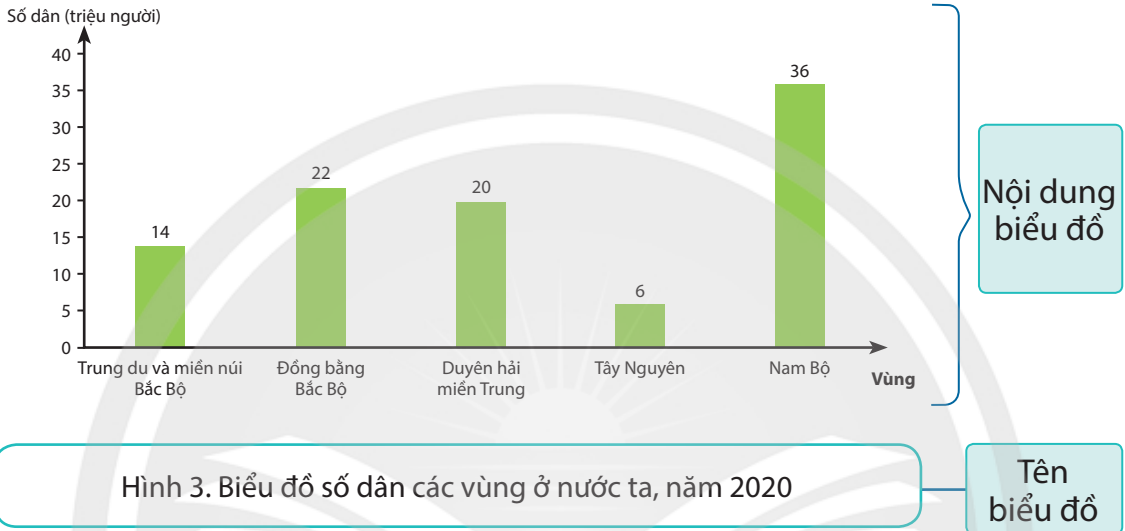
- Xác định nơi Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa.
- Nêu thời gian Hai Bà Trưng khởi nghĩa.



2. Biểu đồ

Quan sát hình 3, em hãy cho biết:

- Các yếu tố của một biểu đồ.
- Biểu đồ thể hiện nội dung gì về dân số các vùng.
- Vùng có số dân lớn nhất, nhỏ nhất. Số dân các vùng đó là bao nhiêu?



Biểu đồ là hình thức thể hiện trực quan các số liệu qua thời gian và không gian bằng các hình vẽ đặc trưng.

Để sử dụng biểu đồ, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên biểu đồ để biết nội dung chính được thể hiện.
- Đọc chú giải và các thông tin trên biểu đồ.
- Trả lời cho câu hỏi: cái gì? như thế nào?...

3. Bảng số liệu

Dựa vào bảng số liệu, em hãy cho biết:

- Các yếu tố của một bảng số liệu.
- Bảng số liệu thể hiện nội dung gì về các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên.
- Tên cao nguyên có độ cao trung bình trên 1 000 m.

Độ cao trung bình của các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên

Tên bảng
số liệu

Tên cao nguyên	Độ cao trung bình (m)
Kon Tum	500
Pleiku	800
Đắk Lắk	500
Mơ Nông	800
Di Linh	1 000
Lâm Viên	1 500

Nội dung
bảng số
liệu

Bảng số liệu là tập hợp các số liệu của đối tượng được sắp xếp một cách khoa học theo thời gian, không gian.

Để sử dụng bảng số liệu, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên bảng số liệu để biết nội dung chính được thể hiện.
- Đọc các thông tin trong bảng số liệu.
- Trả lời cho câu hỏi: cái gì? như thế nào?...

4. Sơ đồ

Quan sát hình 4, em hãy cho biết:

- Tên sơ đồ.
- Nội dung chính của sơ đồ.
- Có bao nhiêu cổng thành trong sơ đồ.

Sơ đồ là hình vẽ sơ lược mô tả một sự vật hay một hiện tượng, quá trình.

Để sử dụng sơ đồ, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên sơ đồ để biết nội dung chính được thể hiện.
- Đọc các thông tin trong sơ đồ.



Hình 4. Sơ đồ Khu di tích thành Cổ Loa

- Xác định mối liên hệ giữa các nội dung trong sơ đồ, hướng các mũi tên (nếu có).

5. Tranh ảnh

Quan sát hình 5, em hãy cho biết:

- Nội dung của hình ảnh.
- Ý nghĩa của hình ảnh.



Hình 5. Đảo Cô Lin
(thuộc quần đảo Trường Sa – Việt Nam)

Tranh ảnh là các tác phẩm thể hiện nhân vật, sự kiện hoặc những nội dung khác. Tranh được vẽ bằng đường nét và màu sắc, ảnh được chụp bằng thiết bị chụp ảnh.

Để sử dụng tranh ảnh, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên tranh ảnh; Xác định thời gian, địa điểm nếu có.
- Mô tả thông tin, ý nghĩa của tranh ảnh.
- Khai thác, sử dụng để trả lời câu hỏi.

6. Hiện vật

Quan sát hình 6, em hãy cho biết:

- Nội dung của hiện vật.
- Ý nghĩa của hiện vật.



Hình 6. Gạch lát nền in nổi hình hoa bằng chất liệu đất nung (thời Lý, thế kỷ XI – XIII)

Hiện vật là những đồ vật sưu tầm hay khai quật được.

Để sử dụng hiện vật, em hãy thực hiện các bước sau:

- Đọc tên hiện vật.
- Mô tả hiện vật.
- Khai thác, sử dụng để trả lời câu hỏi.



Luyện tập

1. Em hãy hoàn thành sơ đồ sau:



2. Dựa vào hình 7, em hãy cho biết:

- Tên lược đồ là gì.
- Có những kí hiệu nào trên lược đồ.
- Tên một cao nguyên ở phía bắc và một cao nguyên ở phía nam của vùng Tây Nguyên.



Hình 7. Lược đồ địa hình vùng Tây Nguyên

3. Hình 8 và 9 cho em biết điều gì?



Hình 8. Rìu gót vuông trang trí cảnh chó săn hươu – công cụ lao động của người Việt cổ



Hình 9. Hình vẽ từ rìu gót vuông



Em hãy sưu tầm một bản đồ hoặc lược đồ hành chính về tỉnh hoặc thành phố nơi em sống và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây.

Tên bản đồ hoặc lược đồ	?
Các kí hiệu trên bản đồ hoặc lược đồ	?
Tên các tỉnh, thành phố tiếp giáp	?

Chủ đề 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)

Bài 2

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.
- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.



Khởi động

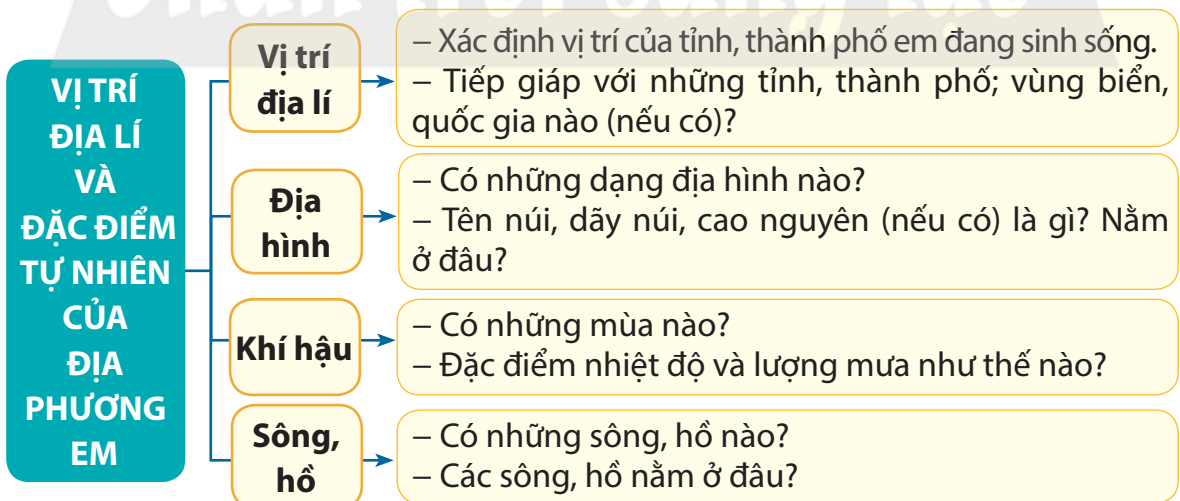
Em đang sống ở đâu? Hãy chia sẻ những hiểu biết về địa phương mình cho các bạn trong lớp của em.

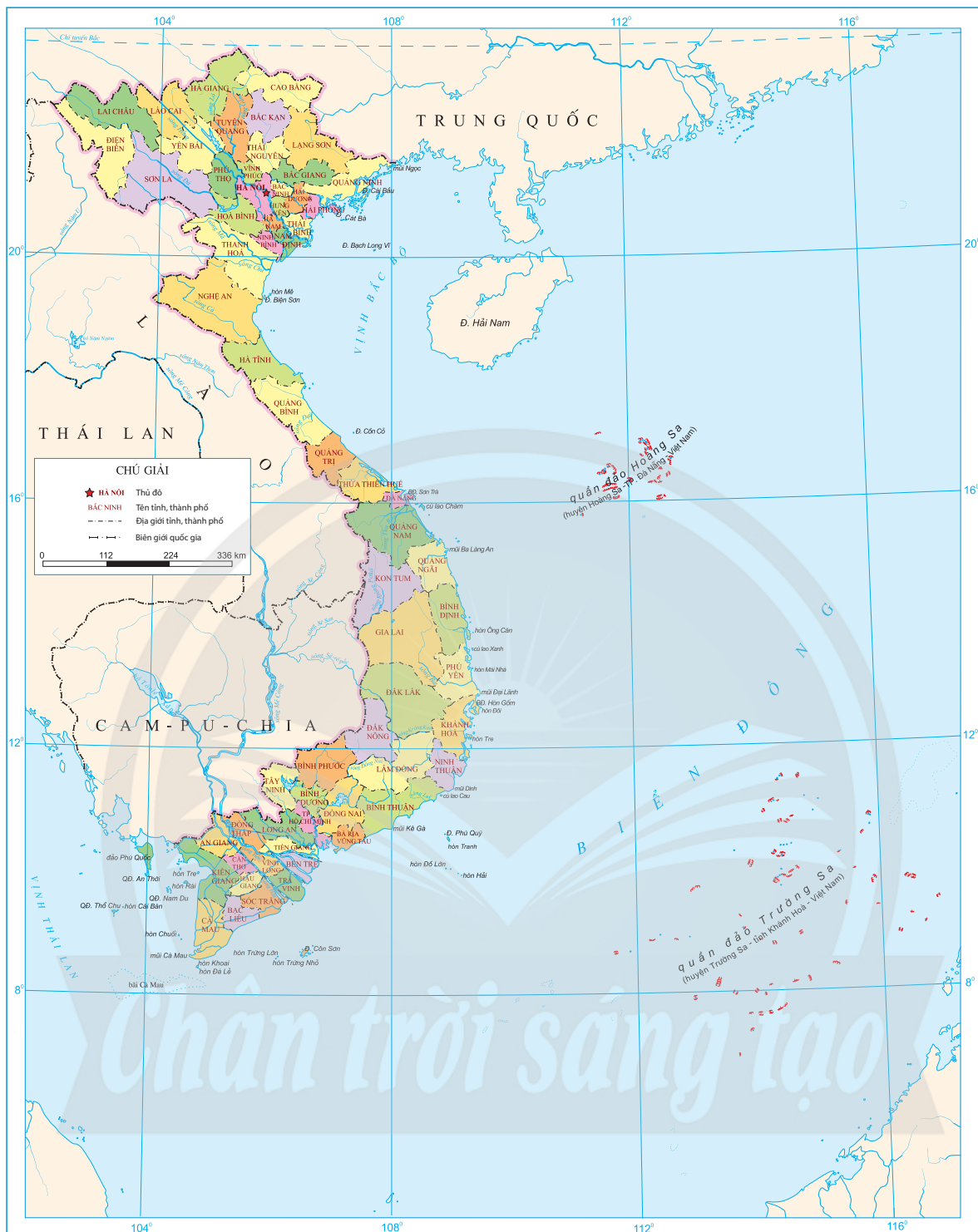


Khám phá

1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên của địa phương em

Quan sát hình 1, bản đồ hoặc lược đồ địa phương, đọc Tài liệu giáo dục địa phương, em hãy tìm hiểu về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên ở địa phương theo gợi ý sau:

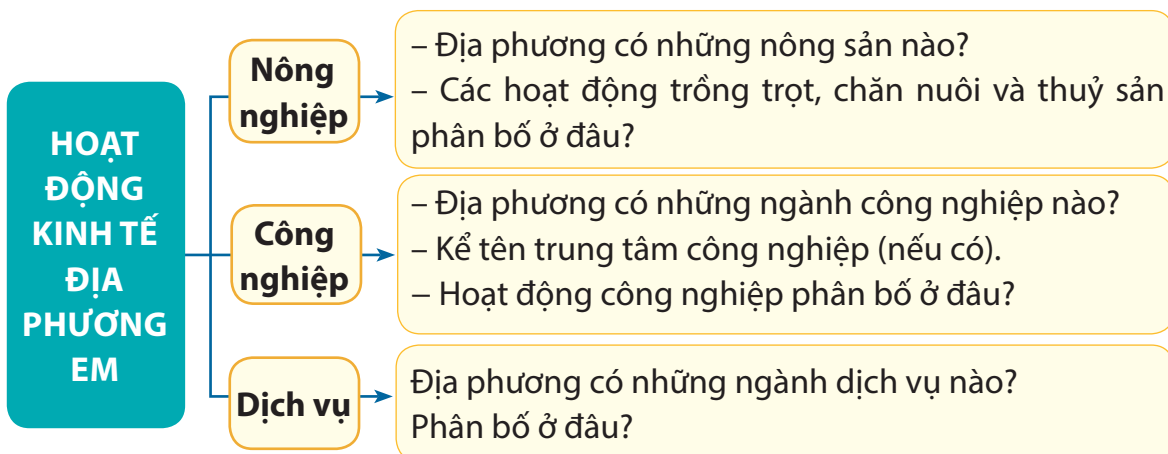




Hình 1. Bản đồ hành chính Việt Nam, năm 2021

2. Hoạt động kinh tế của địa phương em

Hoạt động kinh tế ở mỗi địa phương rất đa dạng. Quan sát bản đồ hoặc lược đồ địa phương em, đọc Tài liệu giáo dục địa phương, em hãy tìm hiểu về hoạt động kinh tế ở địa phương theo gợi ý sau:



3. Bảo vệ môi trường địa phương em

Căn cứ vào Tài liệu giáo dục địa phương và tình hình thực tế nơi em sinh sống, em hãy:

- Cho biết môi trường của địa phương em hiện nay như thế nào.
- Nêu những giải pháp của em để có thể bảo vệ môi trường tốt hơn.



Luyện tập

1. Hãy vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt lại thông tin về tỉnh, thành phố nơi em đang sinh sống với các nội dung theo gợi ý dưới đây:



2. Em hãy tìm hiểu về một ngành kinh tế đặc trưng của địa phương em theo gợi ý dưới đây:

- Tên của ngành kinh tế.
- Tình hình sản xuất và phân bố hiện nay của ngành.
- Ngành kinh tế hiện nay có ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?



Vận dụng

Em hãy sưu tầm một số hình ảnh thể hiện những đặc trưng cơ bản về tự nhiên, kinh tế ở địa phương và giới thiệu với cả lớp.

LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét về văn hoá (ví dụ: nhà ở, phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, ẩm thực,...) của địa phương.
- Lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương.
- Kể lại được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương.



Khởi động

Hãy kể tên một số món ăn đặc trưng ở địa phương em đang sinh sống.



Khám phá

1. Một số nét văn hoá của địa phương em

Dựa vào Tài liệu giáo dục địa phương để tìm hiểu một số nét văn hoá của địa phương:

- Mô tả khái quát một số đặc điểm văn hoá: ẩm thực, trang phục, nhà ở, phong tục tập quán, lễ hội.
- Tìm hiểu một món ăn (tên, nguyên liệu, quy trình chế biến, cảm nhận); lễ hội (tên, thời gian, địa điểm, các hoạt động chính, ý nghĩa và chia sẻ cảm nhận),...

2. Danh nhân ở địa phương em

Dựa vào Tài liệu giáo dục địa phương để kể lại câu chuyện về một trong những danh nhân của địa phương:

- Nêu tên danh nhân, quá trình hoạt động của danh nhân gắn với những câu chuyện nào (nội dung, ý nghĩa của câu chuyện).
- Nêu cảm nhận về danh nhân.



Luyện tập

Viết một đoạn văn mô tả về một phong tục, tập quán hoặc lễ hội ở địa phương em.



Vận dụng

Hãy sưu tầm một số hình ảnh về một lễ hội ở địa phương em để giới thiệu cho thầy, cô giáo và các bạn cùng xem.

Bài 4

THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cao nguyên Mộc Châu,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Khởi động

Các hình 1, 2, 3 gợi cho em biết điều gì về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?



Hình 1. Sông Nho Quế
(Hà Giang)



Hình 2. Dãy Hoàng Liên Sơn
(Lào Cai)

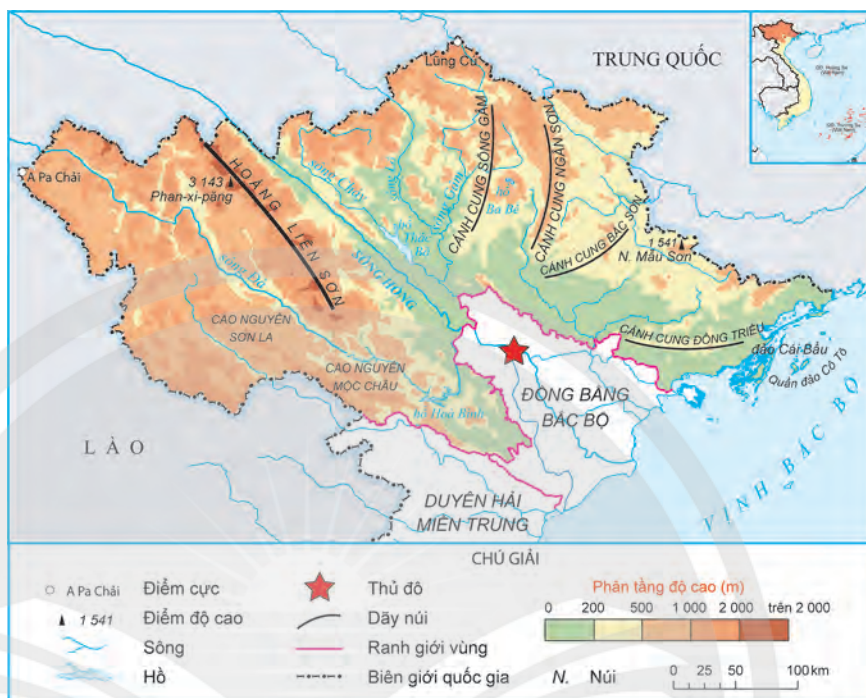


Hình 3. Tuyết rơi ở Sa Pa
(Lào Cai), năm 2016

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 4, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu tên các quốc gia, vịnh biển, các vùng tiếp giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 4. Lược đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở phía bắc nước ta. Phía bắc của vùng giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào, phía nam giáp Đồng bằng Bắc Bộ và Duyên hải miền Trung, phía đông giáp vịnh Bắc Bộ.



Em có biết?

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có điểm cực Bắc ở Lũng Cú, thuộc tỉnh Hà Giang và điểm cực Tây ở A Pa Chải, thuộc tỉnh Điện Biên.

2. Đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến đời sống và sản xuất

a) Địa hình

Quan sát hình 4 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ các dãy núi, cao nguyên và đỉnh núi cao nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nêu ảnh hưởng của địa hình đến đời sống và sản xuất của người dân trong vùng.



Hình 5. Đèo Mẻ Pía (Cao Bằng)



Hình 6. Đồi chè ở Tân Sơn (Phú Thọ)

Trung du và miền núi Bắc Bộ có địa hình cao nhất nước ta. Vùng có địa hình rất đa dạng, bao gồm các dãy núi, cao nguyên, thung lũng, cánh đồng giữa núi, đồi,... Hoàng Liên Sơn là dãy núi đồ sộ, có đỉnh Phan-xi-păng (Fansipan) cao nhất nước ta. Ven biển có nhiều đảo, quần đảo, vịnh biển, nổi tiếng là vịnh Hạ Long.



Hình 7. Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh)

Địa hình của vùng này thuận lợi phát triển thủy điện, lâm nghiệp, du lịch, chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả,...

Tuy nhiên, trong vùng có những nơi địa hình cao, hiểm trở gây bất lợi cho cư trú và sản xuất của người dân.



Em có biết?

Đỉnh Phan-xi-păng nằm ở thị xã Sa Pa (Lào Cai), có độ cao 3 143 m. Nơi đây là điểm du lịch hấp dẫn.



Hình 8. Đỉnh Phan-xi-păng

b) Khí hậu

Quan sát hình 9 và đọc thông tin, em hãy nêu:

- Đặc điểm khí hậu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Ảnh hưởng của khí hậu đến đời sống và sản xuất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 9. Mưa lũ ở tỉnh Sơn La, năm 2019

Trung du và miền núi Bắc Bộ có mùa đông lạnh nhất cả nước, thường kéo dài 3 đến 4 tháng. Ở vùng núi cao rất lạnh, đôi khi có tuyết rơi. Vào mùa hạ, vùng có nhiệt độ cao, nắng nóng, mưa nhiều.

Khí hậu đa dạng tạo điều kiện để phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi. Tuy nhiên, vùng này có nhiều thiên tai như: lũ, rét đậm, rét hại, bão,... gây nhiều trở ngại cho đời sống và sản xuất.

c) Sông, hồ

Quan sát các hình 4, 10, 11 và đọc thông tin, em hãy:

- *Xác định trên lược đồ các sông lớn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*
- *Cho biết đặc điểm chính của sông, hồ trong vùng.*
- *Trình bày vai trò của sông, hồ ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đối với đời sống và sản xuất.*

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Chảy, sông Gâm,... Các sông này có nhiều tiềm năng phát triển thủy điện. Các hồ Ba Bể, Hoà Bình, Thác Bà,... có giá trị về thủy lợi và du lịch,...

Tuy nhiên, vào mùa hạ mưa nhiều, sông thường có lũ gây thiệt hại lớn.



Hình 10. Hồ Na Hang (Tuyên Quang)



Hình 11. Thủy điện Hoà Bình (Hoà Bình)

3. Một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Dựa vào hình 12, em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 12. Sơ đồ một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ



Luyện tập

1. Mô tả vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm địa hình, khí hậu, sông, hồ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Vận dụng

1. Em hãy đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, mô tả vẻ đẹp thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Ở nơi em sống thường xảy ra thiên tai nào? Hãy đề xuất biện pháp để phòng, chống.

Bài 5

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.
- Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang; xây dựng các công trình thủy điện; khai thác khoáng sản,...).



Khởi động

Em hãy sắp xếp các chữ cái dưới đây thành một từ chỉ một hoạt động kinh tế và trả lời câu hỏi dưới đây:

- Hoạt động kinh tế đó tên là gì?
- Hoạt động kinh tế đó tiêu biểu ở khu vực địa hình nào? Vì sao?

Đ	H	I	Y	T	Ê	N	U
---	---	---	---	---	---	---	---



Khám phá

1. Dân cư

Quan sát các hình 1, 2, 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số dưới 100 người/km², trên 200 người/km².
- Nêu nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Mông, Dao, Tày, Thái, Mường, Nùng,...

Dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân bố không đều. Nơi có địa hình thấp dân cư tập trung đông đúc, ở các vùng núi cao dân cư thưa thớt.



Hình 1. Lược đồ phân bố dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, năm 2020



Hình 2. Thành phố Hạ Long (Quảng Ninh)



Hình 3. Điểm dân cư Sung La (Hà Giang)

2. Cách thức khai thác tự nhiên

Quan sát các hình 4, 5, 6 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

a) Làm ruộng bậc thang

Ruộng bậc thang là hình thức canh tác phổ biến ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Để trồng được lúa trên đất dốc, người dân đã xẻ sườn núi thành ruộng bậc thang. Đây là biểu tượng cho quá trình chinh phục thiên nhiên của các đồng bào vùng cao nước ta. Các thửa ruộng bậc thang ở Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai,... còn là những điểm du lịch hấp dẫn, đặc biệt vào mùa lúa chín.



Hình 4. Danh thắng ruộng bậc thang Mù Cang Chải (Yên Bái)

b) Xây dựng các công trình thủy điện

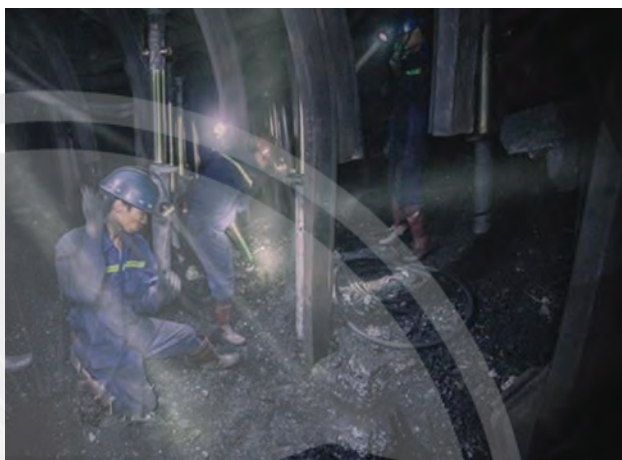


Hình 5. Nhà máy thủy điện Sơn La (Sơn La)

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thủy điện trên các sông lớn như sông Đà, sông Chảy, sông Gâm,... Các công trình này ngoài cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt còn giảm lũ cho hạ lưu các sông. Nhà máy thủy điện Sơn La (Sơn La) có công suất lớn nhất nước ta hiện nay.

c) Khai thác khoáng sản

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn khoáng sản phong phú nhất nước ta. Nhiều loại khoáng sản có trữ lượng lớn như than đá, sắt, a-pa-tit, thiếc, đồng,... Khoáng sản khai thác được sử dụng trong công nghiệp, đời sống và xuất khẩu. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, sử dụng cần chú ý đến sự an toàn, tiết kiệm và bảo vệ môi trường.



Hình 6. Công nhân khai thác than ở mỏ Khe Chàm (Quảng Ninh)



Luyện tập

1. Tại sao vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều nhà máy thủy điện lớn?
2. Em hãy chọn thông tin ở cột A cho phù hợp với thông tin ở cột B về mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

A	B
1. Địa hình dốc, nhiều đồi núi	a) Xây dựng các nhà máy thủy điện
2. Sông ngòi lớn, dốc, nhiều nước	b) Xẻ sườn núi, làm ruộng bậc thang
3. Nguồn khoáng sản phong phú	c) Khai thác mỏ



Vận dụng

1. Tìm hiểu và giới thiệu về một dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Vẽ một bức tranh về ruộng bậc thang.

Bài 6

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

Mô tả được một số lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (ví dụ: lễ hội Gầu Tào, hát Then, múa xoè Thái, lễ hội Lồng Tồng, chợ phiên vùng cao,...).



Khởi động

Các hình ảnh dưới đây gợi cho em điều gì về văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?



Hình 1. Múa xoè kết hợp với nhảy sạp của người Thái (Sơn La)



Hình 2. Sản phẩm thổ cẩm được bày bán tại chợ phiên Cán Cấu (Lào Cai)



Khám phá

1. Lễ hội truyền thống

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, em hãy:

- Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Cho biết các lễ hội này được tổ chức như thế nào và có ý nghĩa gì.

Hằng năm, người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thường tổ chức nhiều lễ hội văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc như lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Hoa Ban,...

a) Lễ hội Gầu Tào

Lễ hội Gầu Tào của người Mông thường được tổ chức vào đầu năm mới để cúng tạ trời đất, cầu phúc, cầu mưa thuận gió hoà và mùa màng bội thu.

Trong lễ hội có các trò chơi dân gian truyền thống như kéo co, đánh cù, múa khèn, múa ô, thổi sáo, thi hát đối giao duyên,...



Hình 3. Trò chơi kéo co trong lễ hội Gầu Tào



Hình 4. Biểu diễn múa ô trong lễ hội Gầu Tào

b) Lễ hội Lồng Tồng

Lễ hội Lồng Tồng là nghi lễ nông nghiệp cổ xưa của dân tộc Tày, Nùng. Lễ hội thường bắt đầu vào những ngày đầu của năm mới.

Trong lễ hội, một người đàn ông có uy tín sẽ đại diện cho dân bản cày đường cày đầu tiên để lấy may mắn cho vụ mùa. Sau đó, chủ lễ và các gia đình trong bản chuẩn bị các mâm lễ và tiến hành nghi thức cúng tế.



Hình 5. Nghi thức cày đường cày đầu tiên trong lễ hội Lồng Tồng (Thái Nguyên)



Hình 6. Nghi thức dâng mâm lễ trong lễ hội Lồng Tồng (Tuyên Quang)

Tiếp đến là các trò chơi dân gian như đánh quay, kéo co, đẩy gậy, thi cấy lúa,... đặc biệt là thi ném còn.

2. Múa hát dân gian

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy kể tên một số loại hình múa hát dân gian tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Bên cạnh các lễ hội truyền thống của các dân tộc Tày, Nùng, Thái, ở vùng núi phía Bắc còn có các loại hình ca múa hát dân gian như hát Then, múa xoè Thái,... Đây là những loại hình nghệ thuật độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá, giữ vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Em có biết?

Năm 2019, di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Năm 2021, UNESCO công nhận nghệ thuật xoè Thái là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Hình 7. Học hát Then
(Tuyên Quang)



Hình 8. Múa xoè Thái
(Yên Bái)

3. Chợ phiên vùng cao

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy cho biết:

- Chợ phiên vùng cao được tổ chức vào thời gian nào.
- Em ấn tượng nhất điều gì về chợ phiên vùng cao.

Chợ phiên là nét văn hoá độc đáo của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Thông thường, chợ phiên mỗi tuần tổ chức họp một lần và bán các nông sản, sản phẩm thủ công do chính người dân làm ra.



Hình 9. Nông sản được bày bán ở chợ phiên của người Mông (Hà Giang)



Hình 10. Một góc chợ phiên (Điện Biên)

Những người đến chợ phiên đôi khi không chỉ mua bán, trao đổi hàng hoá mà còn để gặp gỡ bạn bè, giao duyên, giao lưu văn hoá giữa các dân tộc,... Vì thế, nhiều người đã chọn cho mình bộ trang phục truyền thống đẹp nhất để xuống chợ, góp thêm nhiều màu sắc cho bức tranh phiên chợ vùng cao thêm sinh động, vui tươi.

Luyện tập

Em hãy mô tả về một lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo các gợi ý: tên lễ hội, thời gian, hoạt động chính, ý nghĩa.

Vận dụng

Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu một nét văn hoá đặc trưng của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của Khu di tích Đền Hùng trên bản đồ hoặc lược đồ; thời gian, địa điểm tổ chức Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương hiện nay.
- Đọc sơ đồ khu di tích, xác định được một số công trình kiến trúc chính trong Quần thể di tích Đền Hùng.
- Sử dụng tư liệu lịch sử và văn hoá dân gian, trình bày được những nét sơ lược về Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương.
- Kể lại được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.
- Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống dân tộc qua Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương.



Khởi động

Những câu ca dao dưới đây nói về lễ hội nào của nước ta? Em hãy chia sẻ những hiểu biết của em về lễ hội này.

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mồng Mười tháng Ba
Khắp miền truyền mãi câu ca
Nước non vẫn nước non nhà nghìn năm.
(Theo Ca dao Việt Nam)



Khám phá

1. Khu di tích Đền Hùng

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy xác định:

- Vị trí của Khu di tích Đền Hùng.
- Một số công trình kiến trúc chính trong Khu di tích Đền Hùng.

a) Vị trí địa lí

Phần lớn Khu di tích Đền Hùng nằm ở thành phố Việt Trì và phần còn lại thuộc hai huyện Lâm Thao và Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Khu di tích được xây dựng để tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng.



Hình 1. Lược đồ hành chính tỉnh Phú Thọ, năm 2021

b) Một số công trình kiến trúc



Hình 2. Sơ đồ Khu di tích Đền Hùng

2. Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy cho biết:

- Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức vào thời gian nào và ở đâu.
- Lễ được tổ chức như thế nào.
- Cảm nhận của em về Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương.

Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày lễ lớn của cả dân tộc, được tổ chức vào ngày mồng Mười tháng Ba âm lịch hằng năm.

Nghi thức quan trọng nhất của phần lễ là lễ rước kiệu, lễ dâng hương. Phần hội được tổ chức với nhiều hoạt động phong phú: diễn xướng hát Xoan, múa rối nước, liên hoan văn nghệ, hội trại văn hoá, hội thi gói bánh, hội thi thể thao,...



Hình 3. Lễ rước kiệu



Hình 4. Hát Xoan trong Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương

Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương là biểu trưng cho truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam từ bao đời nay. Lễ hội thể hiện lòng tự hào dân tộc, nhắc nhở mỗi con người Việt Nam nhớ về công ơn dựng nước và giữ nước của các Vua Hùng.



Em có biết?

Năm 2007, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn ngày Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (ngày Mười tháng Ba âm lịch) trở thành quốc lễ của Việt Nam.

Năm 2012, UNESCO ghi danh “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ” là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Hình 5. Bia đá khắc lời căn dặn của Bác Hồ được đặt tại Khu di tích Đền Hùng

3. Truyền thuyết về thời kì Hùng Vương

Đọc các thông tin, em hãy:

- Kể tên một số truyền thuyết liên quan đến thời kì Hùng Vương.
- Cho biết các truyền thuyết dưới đây thể hiện nội dung gì.

Thời kì Hùng Vương gắn liền với buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Những truyền thuyết kể về thời kì này là: Con Rồng cháu Tiên; Sự tích trầu cau; Thánh Gióng; Bánh chưng, bánh giầy; Sơn Tinh, Thủy Tinh;...

Truyền thuyết con Rồng cháu Tiên

Lạc Long Quân giống Rồng và Âu Cơ giống Tiên kết duyên vợ chồng. Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở trăm con. Sau đó, năm mươi người con theo Âu Cơ lên núi, năm mươi người con theo Lạc Long Quân xuống biển, chia nhau trị vì các nơi.

Người con cả theo Âu Cơ lên núi được chọn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ ngày nay). Các đời vua sau đều gọi là Hùng Vương.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)

Truyền thuyết Thánh Gióng

Đời Vua Hùng thứ sáu, ở làng Phù Đổng (huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay) có một cậu bé tên là Gióng. Cậu bé lên ba tuổi mà vẫn chưa biết nói, biết cười. Lúc bấy giờ, giặc Ân xâm lược nước ta, nhà vua sai sứ giả tìm người tài đánh giặc. Sứ giả đi đến làng Phù Đổng thì kì lạ thay, cậu bé bỗng cất tiếng nói: "Mẹ mời sứ giả vào đây". Cậu bảo sứ giả về tâu với vua sắm một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt để đánh giặc.

Sau hôm đó, cậu bé lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng không no, áo mặc mấy cũng không vừa. Giặc đến, vừa lúc sứ giả mang ngựa sắt, roi sắt và áo giáp sắt đến, cậu bé vươn vai biến thành tráng sĩ đánh tan quân giặc. Đánh giặc xong, tráng sĩ cởi bỏ áo giáp sắt, cưỡi ngựa bay về trời. Vua nhớ công ơn, phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà. Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)



Luyện tập

Vẽ sơ đồ thể hiện các công trình kiến trúc chính trong Quần thể Khu di tích Đền Hùng.



Vận dụng

Em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày cảm nghĩ của em về công lao của các Vua Hùng và truyền thống dân tộc qua Lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương.

Bài 8

THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,...) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Khởi động

Quan sát hình 1, em hãy trình bày hiểu biết của em về sông Hồng.



Hình 1. Một đoạn sông Hồng chảy qua thành phố Hà Nội



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 2, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Kể tên các vùng và vịnh biển tiếp giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ do phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.

Phía bắc và phía tây của vùng giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ, phía nam giáp với Duyên hải miền Trung, phía đông là vịnh Bắc Bộ.



Hình 2. Lược đồ tự nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ

2. Một số đặc điểm thiên nhiên và ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất, đời sống

a) Địa hình

Quan sát các hình 2, 3, 4, 5 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ các khu vực địa hình có độ cao: 0 – 50 m, 50 – 200 m và trên 500 m. Khu vực nào có diện tích lớn nhất?
- Cho biết địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và đời sống của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Hình 3. Thu hoạch cà rốt (Hải Dương)



Hình 4. Vùng núi đá vôi (Ninh Bình)

Phần lớn vùng Đồng bằng Bắc Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng, thấp dần về phía biển. Độ cao trung bình của vùng dưới 20 m. Các bộ phận rìa lãnh thổ có độ cao lớn hơn. Trong vùng còn có nhiều ô trũng.

Địa hình vùng đồng bằng thuận lợi cho cư trú, sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,... Một số khu vực núi có cảnh quan đẹp tạo điều kiện để phát triển du lịch.

Tuy nhiên, địa hình có nhiều ô trũng thường bị ngập úng vào mùa mưa, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống.



Em có biết?

Tam Đảo là một dãy núi với đỉnh núi cao nhất lên đến 1 591 m. Nơi đây có vườn quốc gia Tam Đảo nổi tiếng với loài cá cóc, là loài động vật được đưa vào Sách đỏ Việt Nam.

Với khí hậu trên núi mát mẻ quanh năm và cảnh quan thiên nhiên xanh tươi, từ lâu Tam Đảo đã trở thành điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.



Hình 5. Dãy núi Tam Đảo (Vĩnh Phúc)

b) Khí hậu

Đọc bảng số liệu và thông tin, em hãy cho biết:

- Những tháng nào nhiệt độ trung bình dưới 20°C, những tháng nào lượng mưa trung bình trên 100 mm.
- Một số ảnh hưởng của khí hậu đến sản xuất và đời sống vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng của thành phố Hà Nội

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	16	17	20	24	27	29	29	28	27	25	21	18
Lượng mưa (mm)	19	26	44	90	189	240	288	318	265	131	43	23

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh. Mùa hè nóng, mưa nhiều, có bão gây ngập lụt. Mùa đông, vùng chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên nhiệt độ hạ thấp, mưa ít.

Khí hậu vùng Đồng bằng Bắc Bộ tạo thuận lợi cho trồng trọt, đặc biệt trồng rau vụ đông. Tuy nhiên, khí hậu nóng ẩm làm cho sâu bệnh phát triển.

c) Sông ngòi

Quan sát hình 2, hình 6 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ một số sông của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Cho biết thuận lợi và khó khăn mà sông ngòi mang lại cho sản xuất và đời sống của vùng.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có mạng lưới sông ngòi dày đặc. Các sông lớn của vùng là sông Hồng, sông Thái Bình, sông Đáy,... có vai trò quan trọng trong cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, phát triển giao thông vận tải và nuôi trồng thủy sản.

Mùa khô, mực nước sông hạ thấp nên giao thông đường thủy, sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn.



Hình 6. Sông Hồng mùa cạn (Hà Nội)

3. Bảo vệ thiên nhiên

Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy cho biết:

- Hiện trạng môi trường thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Một số biện pháp bảo vệ môi trường thiên nhiên của vùng.

Thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ đa dạng, nhưng hiện nay môi trường thiên nhiên đang bị suy thoái: đất bị bạc màu, ô nhiễm nguồn nước, tài nguyên sinh vật suy giảm,...

Để bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ, cần chú trọng bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên tiết kiệm, cải tạo đất, hướng đến phát triển bền vững.



Hình 7. Vườn quốc gia Cúc Phương (Ninh Bình)

Luyện tập

1. Em hãy hoàn thành thông tin về một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, khí hậu và sông ngòi vùng Đồng bằng Bắc Bộ theo bảng gợi ý dưới đây:

Nhân tố	Thuận lợi	Khó khăn
Địa hình	?	?
Sông ngòi	?	?
Khí hậu	?	?

2. Em quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường nào nhất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ? Vì sao?

Vận dụng

Viết một đoạn văn ngắn (không quá 100 chữ) về một vấn đề môi trường đang diễn ra ở địa phương em.

Bài 9

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư.
- Mô tả được một số hoạt động sản xuất truyền thống (trồng lúa nước, nghề thủ công,...) ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Mô tả được một hệ thống đê và nêu được vai trò của đê điều trong trị thủy.



Khởi động

Hình 1 và hình 2 gợi cho em liên tưởng đến hoạt động sản xuất nào ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ?



Hình 1



Hình 2



Khám phá

1. Dân cư

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Xác định trên lược đồ các khu vực có mật độ dân số dưới 1 000 người/km², từ 1 000 – 2 000 người/km² và trên 2 000 người/km² của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Vì sao Đồng bằng Bắc Bộ có dân cư tập trung đông đúc?



Hình 3. Lược đồ phân bố dân cư vùng Đồng bằng Bắc Bộ, năm 2020

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Dao, Tày, Thái,... Người Kinh có số lượng lớn nhất.

Vùng đồng bằng Bắc Bộ là nơi con người sinh sống lâu đời, địa hình khá bằng phẳng và đất đai màu mỡ nên có số dân đông. Năm 2020, vùng có hơn 21 triệu người, mật độ dân số trung bình của vùng lên đến 1 431 người/km².

Dân cư tập trung đông trong các đô thị. Hà Nội, Hải Phòng là những thành phố đông dân của vùng và cả nước.

2. Hoạt động sản xuất

a) Trồng lúa nước

Quan sát hình 4, hình 5 và đọc thông tin, em hãy mô tả hoạt động sản xuất trồng lúa nước ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ là vùng sản xuất lúa lớn thứ hai của nước ta, sau vùng Nam Bộ. Những tỉnh, thành phố trồng nhiều lúa trong vùng là: Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình,... Trồng lúa gồm nhiều công đoạn như: làm đất, gieo mạ, cấy lúa, chăm sóc lúa, thu hoạch lúa. Với kinh nghiệm lâu đời và kỹ thuật canh tác ngày càng hiện đại, năng suất lúa của vùng cao nhất cả nước.



Hình 4. Cấy lúa



Hình 5. Thu hoạch lúa

b) Nghề thủ công truyền thống

Đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số làng nghề truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Mô tả hoạt động sản xuất của một nghề thủ công truyền thống.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có hàng trăm làng nghề thủ công truyền thống đã tồn tại lâu đời. Mỗi làng nghề thường làm một sản phẩm đặc trưng như: làng lụa Vạn Phúc (Hà Nội), làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), làng chiếu cói Kim Sơn (Ninh Bình),... Nhiều sản phẩm được xuất khẩu mang lại giá trị kinh tế cao. Để tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh, những người thợ đều phải tiến hành nhiều công đoạn khác nhau rất công phu, tỉ mỉ.

Vạn Phúc (Hà Nội) là làng nghề dệt lụa nổi tiếng cả nước, đã tồn tại hơn một nghìn năm. Nguyên liệu làm lụa chủ yếu từ tơ tằm. Để tạo ra lụa, người dân đã trồng dâu, nuôi tằm. Sau khi tằm nhả tơ, đóng kén, các thợ thủ công chọn ra những chiếc kén già nhất rồi kéo kén, guồng tơ và mắc cửi, đưa vào máy dệt.

Hiện nay, nhiều nghề thủ công truyền thống đang có nguy cơ bị mai một dần. Vì thế, cần bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công.

3. Hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Quan sát hình 6 và đọc thông tin, em hãy mô tả đặc điểm của đê sông Hồng.

Sông Hồng và sông Thái Bình là hệ thống sông lớn với hai mùa nước rõ rệt. Mùa mưa, lũ dâng cao ảnh hưởng cả một vùng rộng lớn. Vì thế, đê được đắp nhằm ngăn lũ, bảo vệ làng xã, ruộng đồng,... Trong đó, đê sông Hồng là hệ thống đê tiêu biểu nhất. Trải qua hàng nghìn năm, đê trở thành một hệ thống hoàn chỉnh với chiều dài lên đến hàng nghìn ki-lô-mét.



Hình 6. Đoạn đê sông Hồng đi qua huyện Thanh Trì (Hà Nội)

Đê cao trung bình từ 6 m đến 8 m tùy từng vị trí, có nơi cao hơn 10 m. Chân đê rộng từ 30 đến 50 m. Mặt đê hiện được cải tạo trở thành các tuyến đường giao thông.

Đê là một biểu tượng về công tác trị thủy ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Luyện tập

1. Em hãy nhận xét sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
2. Tại sao nói đê sông Hồng có ý nghĩa to lớn đối với vùng Đồng Bằng Bắc Bộ?



Vận dụng

Tìm hiểu và giới thiệu một làng nghề truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em ấn tượng nhất.

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở LÀNG QUÊ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

Mô tả được một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Khởi động

Em hãy chỉ ra những sự khác biệt trong hai bức ảnh dưới đây:



Hình 1. Một góc đô thị Hà Nội



Hình 2. Một góc ngoại thành Hà Nội



Khám phá

1. Đời sống ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6, em hãy mô tả phong cảnh làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Người dân ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ sống thành từng làng theo quan hệ họ hàng, làng xóm. Phong cảnh quen thuộc ở làng quê thường có cổng làng, cây đa, lũy tre, giếng nước, chùa, đình làng,...



Hình 3. Cổng làng cổ Đường Lâm (Hà Nội)

Mỗi làng đều có một ngôi đình thờ Thành hoàng, là nơi hội họp, tổ chức các lễ hội truyền thống của người dân trong làng.



Hình 4. Đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh)



Hình 5. Cây bồ đề ở cổng đình làng Phú Hậu (Vĩnh Phúc)



Hình 6. Giếng nước làng cổ ở Hoa Lư (Ninh Bình)

2. Các lễ hội tiêu biểu ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy:

- Cho biết các lễ hội được tổ chức vào thời gian nào và có ý nghĩa gì.
- Nêu những hoạt động chính trong lễ hội Chùa Hương và hội Lim.

Một trong những hoạt động văn hoá đặc sắc của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ là các lễ hội. Lễ hội thường được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu để cầu cho một năm mạnh khoẻ, mùa màng bội thu như lễ hội Chùa Hương, hội Lim, lễ hội Chùa Keo,...

a) Lễ hội Chùa Hương

Lễ hội Chùa Hương diễn ra trên địa bàn xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Lễ hội bắt đầu từ ngày 6 tháng Giêng và thường kéo dài đến hết tháng Ba âm lịch hàng năm.



Hình 7. Du khách trên dòng suối Yến dẫn vào chùa Hương

Mở đầu là lễ dâng hương, gồm hương, hoa, đèn, nến,... Bên cạnh phần lễ, phần hội ở chùa Hương là nơi hội tụ nhiều nét sinh hoạt văn hoá dân tộc độc đáo như hát chèo, hát văn,...

Lễ hội Chùa Hương là hoạt động mang đậm nét văn hoá của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

b) Hội Lim

Hội Lim được tổ chức từ ngày 12 đến ngày 14 tháng Giêng âm lịch hằng năm, trong đó, ngày 13 là ngày hội chính. Lễ hội được tổ chức tại núi Lim (núi Hồng Vân) và đôi bờ sông Tiêu Tương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Trong phần lễ, người ta thực hiện các nghi thức rước, tế lễ Thành hoàng các làng, các vị anh hùng của quê hương, dâng hương cúng Phật,...

Sau phần lễ, hội Lim còn có nhiều trò chơi dân gian như đấu vật, đấu cờ, đánh đu, thi dệt vải,... Đặc sắc nhất là phần hát Quan họ với những tiết mục biểu diễn trên thuyền rồng.



Hình 8. Hát Quan họ trên thuyền tại hội Lim



Luyện tập

Dựa vào các thông tin đã học, em hãy mô tả một nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em thích.



Vận dụng

Nếu được tham gia một lễ hội ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ, em chọn tham gia lễ hội nào? Vì sao?

SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ và kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích tư liệu,...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.



Khởi động

Em hãy kể tên các sông lớn ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí và các tên gọi của sông Hồng

Quan sát hình 1 và đọc thông tin, em hãy xác định vị trí sông Hồng trên lược đồ và kể một số tên gọi khác của sông Hồng.



Hình 1. Lược đồ sông Hồng chảy qua các tỉnh ở phía bắc Việt Nam

Sông Hồng có tổng chiều dài 1 126 km, bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) chảy qua Việt Nam và đổ ra Biển Đông. Đoạn chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài 556 km.

Sông Hồng còn có tên gọi khác như Hồng Hà, sông Cái, sông Thao, Bạch Hạc, Nhị Hà,...

2. Văn minh sông Hồng

a) Những thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng.

Nền văn minh sông Hồng của người Việt cổ hình thành và phát triển ở lưu vực của sông Hồng, sông Mã, sông Cả. Một số thành tựu tiêu biểu là: sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, trống đồng Đông Sơn,...

Nhà nước: cách ngày nay khoảng 2 700 năm, nhà nước đầu tiên đã ra đời, đó là Nhà nước Văn Lang, với kinh đô Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ ngày nay). Sau đó, vào khoảng 2 300 năm cách ngày nay, Thục Phán An Dương Vương đã thống nhất cư dân Âu Lạc và Lạc Việt lập ra quốc gia Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa (Hà Nội ngày nay).

Đứng đầu Nhà nước Văn Lang là Hùng Vương, đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là An Dương Vương. Giúp việc cho Vua là lạc hầu, lạc tướng.

Trống đồng Đông Sơn: trống đồng Đông Sơn vừa là nhạc cụ được sử dụng trong các lễ hội, vừa làm hiệu lệnh sử dụng trong chiến đấu.



Hình 2. Trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam)



Em có biết?

Ngọc Lũ là một trong những chiếc trống đồng Đông Sơn tiêu biểu được phát hiện năm 1983 ở Hà Nam. Hiện nay, trống được lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (Hà Nội). Một phiên bản của trống đồng này được đặt tại vị trí trang trọng ngay của chính trụ sở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (Mỹ).

b) Đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, 6 kết hợp với truyền thuyết, em hãy mô tả một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

Đời sống vật chất: cư dân Việt cổ sử dụng gạo nếp, gạo tẻ để làm thức ăn chính. Nam mình trần, đóng khố; nữ mặc váy, có yếm che ngực. Họ ở nhà sàn và biết đóng thuyền di chuyển trên sông.

Đời sống tinh thần: cư dân Việt cổ có tục thờ cúng tổ tiên và các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời,... và có tục ăn trầu, nhuộm răng. Trong những ngày lễ hội, họ nhảy múa, thổi kèn, ca hát, đua thuyền,...



Hình 3. Hình ảnh nhà sàn trên mặt trống



Hình 4. Hình ảnh giã gạo trên mặt trống



Hình 5. Hình ảnh thuyền trên thân trống



Hình 6. Hình ảnh người thổi kèn, nhảy múa trên mặt trống

Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy

Sau khi dẹp xong giặc Ân, Vua Hùng thứ sáu đã cho gọi các hoàng tử đến và nói rằng sẽ truyền ngôi cho ai tìm được thức ăn ngon để bày cúng tổ tiên.

Trong khi những người con khác mang đến sơn hào hải vị, Hoàng tử Lang Liêu đã làm bánh để dâng vua cha. Ông chọn gạo nếp làm bánh vuông để tượng trưng cho Đất, gọi là bánh chưng. Sau đó, ông giã xôi làm bánh tròn, để tượng trưng cho Trời, gọi là bánh giầy. Vua cha nếm thử, thấy bánh ngon, khen có ý nghĩa và truyền ngôi lại cho Lang Liêu.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)

3. Biện pháp giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng

Đọc thông tin và quan sát hình 7, em hãy nêu một số biện pháp giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

Sông Hồng vừa mang giá trị văn hoá – lịch sử, vừa giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng trở thành vấn đề cấp thiết.

Một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng:

- Ngăn cấm việc xả rác vào lưu vực sông Hồng và các vùng phụ cận;
- Trồng nhiều cây xanh ven sông để tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp;
- Tuyên truyền, quảng bá văn hoá – lịch sử của sông Hồng;
- Phát triển các tuyến du lịch trên sông.



Hình 7. Tàu du lịch trên sông Hồng



Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy về thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Sông Hồng.



Vận dụng

Em hãy viết một thông điệp để quảng bá giá trị của sông Hồng.

THĂNG LONG – HÀ NỘI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Phân tích được đặc điểm tự nhiên của Thăng Long thể hiện ở *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.
- Nêu được một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội thông qua các tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về Thăng Long tứ trấn, sự tích Hồ Gươm, Hoàng Diệu chống thực dân Pháp, chuyện Hà Nội đánh Mỹ.
- Sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
- Thể hiện được ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.



Khởi động

Hãy nêu những điều em biết về thủ đô Hà Nội.



Khám phá

1. Vị trí địa lí

- Quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí của Thăng Long – Hà Nội.
- Dựa vào thông tin trong *Chiếu dời đô*, em hãy:
 - + Miêu tả vùng đất Đại La.
 - + Cho biết tại sao vua Lý Thái Tổ chọn Đại La làm kinh đô.

Thăng Long – Hà Nội nằm ở trung tâm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Năm 1009, Lý Công Uẩn được tôn lên làm vua (sử gọi là Lý Thái Tổ), đặt niên hiệu là Thuận Thiên, lập ra nhà Lý. Năm 1010, vua Lý Thái Tổ cho dời kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) về thành Đại La (Hà Nội ngày nay). Cùng năm, vua Lý đổi tên Đại La thành Thăng Long, nghĩa là “rồng bay lên”.



Hình 1. Lược đồ hành chính thành phố Hà Nội, năm 2021



Hình 2. Tượng đài Lý Thái Tổ (Hà Nội)

CHIỀU DỜI ĐO

Thành Đại La “ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 241)

2. Lịch sử Thăng Long – Hà Nội

a) Tên gọi

Đọc thông tin, em hãy cho biết Hà Nội còn có những tên gọi nào khác.

Từ khi hình thành đến nay, Hà Nội đã trải qua nhiều tên gọi khác nhau: Đại La, Thăng Long, Đông Đô, Đông Quan, Đông Kinh và Bắc Thành. Năm 1831, vua Minh Mạng thành lập tỉnh Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, Hà Nội được chọn làm Thủ đô.

b) Một số câu chuyện, sự kiện về lịch sử Thăng Long – Hà Nội

Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình từ 3 đến 6, em hãy trình bày một số câu chuyện, sự kiện gắn với lịch sử của Thăng Long – Hà Nội.

Thăng Long – Hà Nội có lịch sử lâu đời, gắn với nhiều câu chuyện, sự kiện lịch sử nổi bật.

Thăng Long từ trấn

Sau khi dời đô về thành Thăng Long năm 1010, vua Lý Thái Tổ cho xây dựng bốn ngôi đền: đền Bạch Mã (trấn phía đông), đền Voi Phục (trấn phía tây), đền Kim Liên (trấn phía nam), đền Quán Thánh (trấn phía bắc). Đây là những ngôi đền cổ mang đậm nét văn hoá – lịch sử, gắn liền với sự hình thành và phát triển của kinh thành Thăng Long.

(Theo Đặng Xuân Khanh, *Thăng Long cổ tích khảo tịnh hội đồ*, Viện Viễn Đông Bác Cổ, 1956)



Hình 3. Đền Quán Thánh – thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ ở cổng phía bắc

Sự tích Hồ Gươm

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh vào thế kỉ XV, Lê Lợi được đức Long Quân cho mượn gươm thần, đánh thắng quân xâm lược. Sau đó, ông lên ngôi vua (sử gọi là Lê Thái Tổ), lập ra nhà Hậu Lê, lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Trong một lần đi thuyền dạo hồ Tả Vọng, vua Lê Thái Tổ đã trả lại gươm cho Rùa Vàng. Từ đó, hồ Tả Vọng được đổi tên thành Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)



Hình 4. Tháp Rùa ở Hồ Gươm (Hà Nội)

Tổng đốc Hoàng Diệu

Hoàng Diệu là Tổng đốc trấn giữ thành Hà Nội. Năm 1882, quân Pháp tấn công thành Hà Nội, ông đã lãnh đạo quân triều đình anh dũng chiến đấu. Do lực lượng không cân sức, thành Hà Nội thất thủ. Hoàng Diệu đã tuân tiết tại Võ Miếu để bảo toàn khí tiết. Sự hi sinh của ông thể hiện tinh thần bất khuất vì nước quên mình, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chống Pháp xâm lược của nhân dân ta thời bấy giờ.

(Theo Nguyễn Hoàng Viên, *Hoàng Diệu 1829 – 1882*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2001)



Hình 5. Cửa Bắc thành Hà Nội

Nhân dân Hà Nội đánh Mỹ

Năm 1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 ném bom vào Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Nhờ có sự chuẩn bị, quân dân Hà Nội và các địa phương đã chiến đấu với tinh thần chủ động, bình tĩnh, tự tin, đã bắn hạ hơn 30 máy bay của Mỹ, đánh bại cuộc tập kích trên không. Thắng lợi này đã buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri (Paris) năm 1973. Với ý nghĩa đó, chiến thắng này còn được gọi là trận “Điện Biên Phủ trên không”.

(Theo Nguyễn Ngọc Nghi, *Một số trận đánh bảo vệ bầu trời Hà Nội*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2009)



Hình 6. Xác máy bay B52 bị bắn hạ và rơi tại hồ Hữu Tiệp (quận Ba Đình, Hà Nội)

3. Thủ đô Hà Nội – trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của đất nước

Quan sát các hình từ 7 đến 12, em hãy cho biết Thủ đô Hà Nội có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của đất nước.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị quan trọng, nơi đặt trụ sở của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của quốc gia. Đồng thời, Hà Nội còn là trung tâm kinh tế với sự đa dạng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao,... và tập trung nhiều cơ quan quan trọng về văn hoá, giáo dục của cả nước.



Hình 7. Toà nhà Quốc hội Việt Nam



Hình 8. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh



Hình 9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Hình 10. Hoàng thành Thăng Long



Hình 11. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



Hình 12. Khu đô thị phía Tây Hà Nội



Luyện tập

Em hãy chọn phương án đúng và ghi vào vở các tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.

Đại La	Phú Xuân	Đồng Đô
Gia Định	Bắc Thành	Vĩnh Lộc



Vận dụng

Quan sát các hình 13, 14, 15, em hãy cho biết các bạn học sinh đã tham gia những hoạt động nào để góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.



Hình 13. Tham quan di tích lịch sử



Hình 14. Tìm hiểu văn hoá truyền thống



Hình 15. Vẽ tranh tuyên truyền

VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được một số công trình tiêu biểu: Khuê Văn Các, nhà bia Tiến sĩ, Văn Miếu, Quốc Tử Giám trên sơ đồ Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
- Đọc tư liệu lịch sử, mô tả được kiến trúc và chức năng của một trong các công trình Văn Miếu, Quốc Tử Giám, nhà bia Tiến sĩ.
- Bày tỏ được cảm nghĩ về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn các di tích lịch sử.



Khởi động

Em hãy nêu những hiểu biết về Văn Miếu – Quốc Tử Giám.



Khám phá

1. Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Quan sát các hình từ 1 đến 5 và đọc thông tin, em hãy xác định một số công trình tiêu biểu thuộc Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám nằm ở quận Đống Đa, Hà Nội có một số công trình tiêu biểu như: Khuê Văn Các, nhà bia Tiến sĩ, Khu Thái học...



Hình 1. Cổng Văn Miếu



Hình 2. Khu Thái học

Văn Miếu được xây dựng vào thời nhà Lý để thờ Khổng Tử và các học trò của ông. Sau đó, Quốc Tử Giám được xây dựng để dạy cho con em quan lại. Dưới triều Trần, Quốc Tử Giám được mở rộng cho cả con em thường dân ưu tú theo học. Văn Miếu – Quốc Tử Giám là biểu tượng cho truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.



Hình 3. Sơ đồ Khu di tích Văn Miếu (số 1 – 11) – Quốc Tử Giám (số 12 – 15)

2. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

- Mô tả kiến trúc và chức năng của một công trình tiêu biểu trong khu di tích.
- Phát biểu cảm nghĩ về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.

a) Khuê Văn Các

Khuê Văn Các được xây dựng vào năm 1805, có 8 mái, 2 tầng và một nóc ở trên. Các cửa sổ tròn của gác Khuê Văn tượng trưng cho bầu trời. Bốn mặt của Khuê Văn Các có các câu đối ca ngợi nền văn hoá dân tộc.



Hình 4. Khuê Văn Các

b) Nhà bia Tiến sĩ



Hình 5. Nhà bia Tiến sĩ

Nhà bia Tiến sĩ được chia thành 2 dãy, gồm 82 tấm bia tương ứng với 82 khoa thi. Nội dung những tấm bia khắc tên, quê quán của các tiến sĩ qua các kì thi. Nhà bia Tiến sĩ được lập nhằm tôn vinh nhân tài và khuyến khích việc học tập trong toàn dân.

Tấm bia cổ nhất nơi đây được dựng năm 1484 về khoa thi năm 1442, nội dung bài văn bia do Đông các Đại học sĩ Thân Nhân Trung soạn, trong đó có đoạn: *“Hiển tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí vững thì thể nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thể nước kém và suy”*.

3. Biện pháp giữ gìn di tích lịch sử

Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, 8, em hãy đề xuất một số biện pháp để giữ gìn Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Hiện nay, Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám đang bị xuống cấp theo thời gian và do tác động của môi trường. Để khắc phục hiện trạng này, cần thực hiện nhiều biện pháp: nâng cao ý thức của khách tham quan, giáo dục ý thức bảo vệ di tích, đầu tư việc trùng tu các công trình trong di tích,...



Hình 6. Học sinh tham quan Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



Hình 7. Học sinh học tập tại Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám



Hình 8. Học sinh giới thiệu và đề xuất biện pháp giữ gìn di tích



Luyện tập

Em hãy xác định vị trí của nhà bia Tiến sĩ trên hình 3 và cho biết nhà bia được xây dựng nhằm mục đích gì.



Vận dụng

Em có cảm nghĩ gì sau khi tìm hiểu về Văn Miếu – Quốc Tử Giám?

Bài 14

THIÊN NHIÊN VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng,...) của vùng Duyên hải miền Trung.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai.



Khởi động

Hình 1 gợi cho em biết điều gì về thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung?

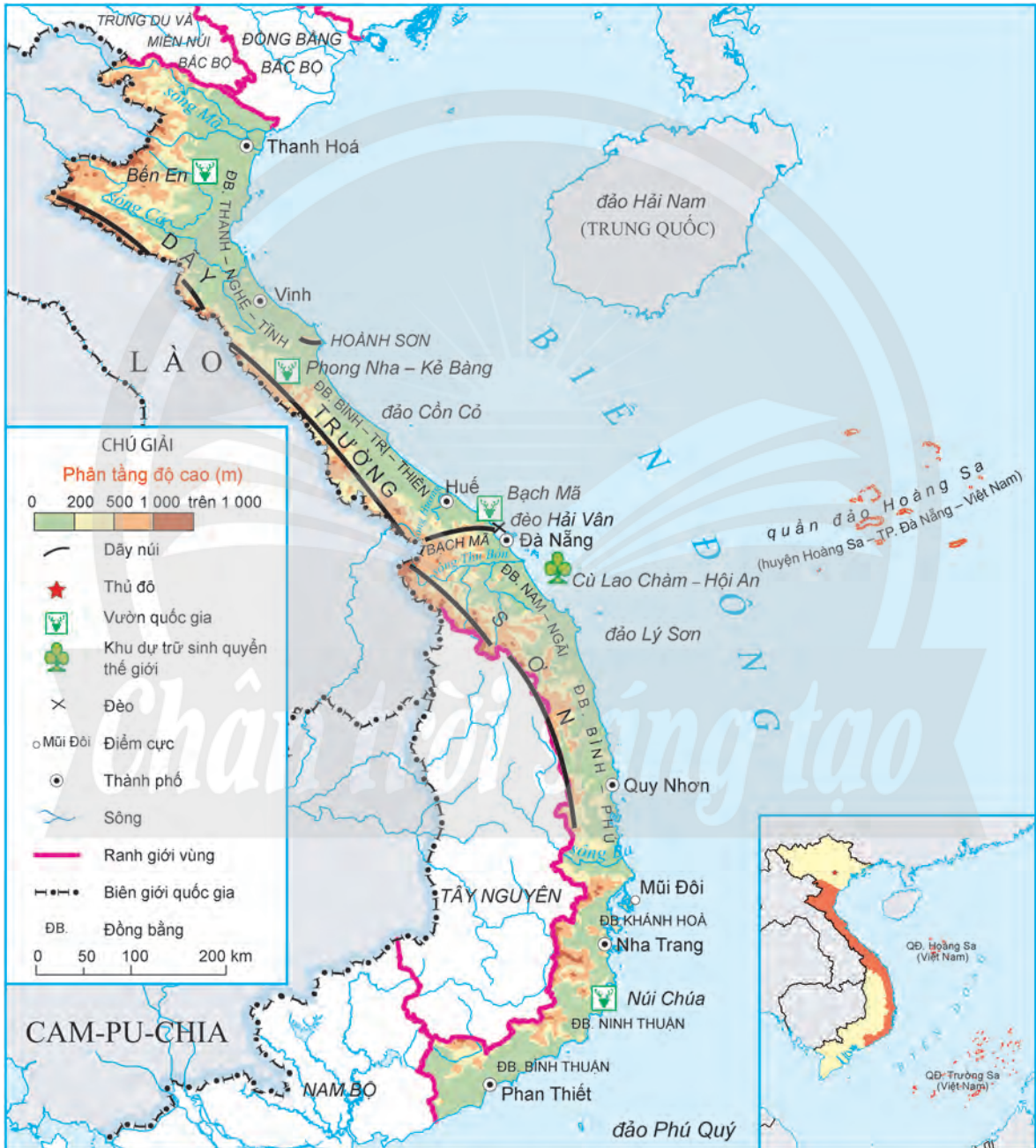


Hình 1. Dãy núi Bạch Mã nhìn từ thị trấn Lăng Cô (Thừa Thiên Huế)

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu tên biển, quốc gia và các vùng tiếp giáp với vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 2. Lược đồ tự nhiên vùng Duyên hải miền Trung

Vùng Duyên hải miền Trung kéo dài và hẹp ngang. Phía đông Duyên hải miền Trung là một vùng biển rộng lớn, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; phía tây giáp với Lào và vùng Tây Nguyên. Phía bắc giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; phía nam giáp vùng Nam Bộ.



Em có biết?

Bán đảo Hòn Gốm (Khánh Hoà) có điểm cực Đông (Mũi Đồi) trên đất liền của nước ta. Nơi đây có tiềm năng phát triển du lịch.

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân.
- Nêu tên các đồng bằng ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có địa hình đa dạng. Ở phía tây là miền đồi núi, phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp và không liên tục do bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển. Vùng có các đồng bằng quan trọng như Thanh – Nghệ – Tĩnh, Bình – Trị – Thiên, Nam – Ngãi, Bình – Phú, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận,... Ven biển thường có các cồn cát, bờ biển có nhiều vũng, vịnh.

b) Khí hậu

Dựa vào bảng số liệu và thông tin, em hãy:

- Liệt kê các tháng có nhiệt độ trung bình dưới 20°C ở thành phố Vinh. So sánh nhiệt độ trung bình năm của hai thành phố Vinh và Nha Trang.
- Nêu đặc điểm khí hậu của vùng Duyên hải miền Trung.

Nhiệt độ trung bình của thành phố Vinh và thành phố Nha Trang

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Nhiệt độ trung bình năm
Thành phố													
Vinh	18	18	20	24	28	29	30	29	27	24	22	19	24
Nha Trang	24	25	26	28	29	29	29	29	28	27	26	25	27

Vùng Duyên hải miền Trung có khí hậu nóng, mưa nhiều vào mùa thu – đông. Phía bắc dãy Bạch Mã mưa nhiều và mùa mưa đến sớm hơn, mùa đông lạnh và ẩm do chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi gió mùa Đông Bắc qua biển. Phía nam dãy Bạch Mã quanh năm nắng nóng, càng về phía nam mưa ít hơn, mùa mưa ngắn.

Vùng Duyên hải miền Trung chịu nhiều ảnh hưởng của bão và gió phơn Tây Nam,...

c) Sông ngòi

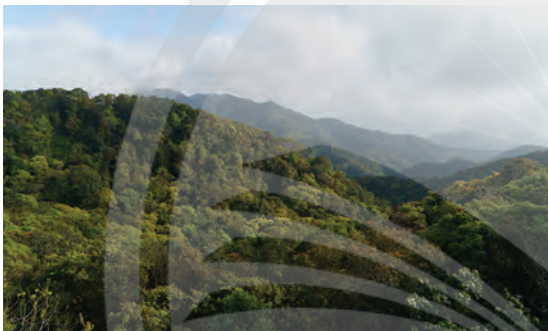
Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

- Nêu tên và xác định trên lược đồ các dòng sông ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu đặc điểm của sông ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều sông, nhưng ít sông lớn. Sông ngắn và có độ dốc lớn nên thường gây lũ lụt vào mùa mưa. Các sông trong vùng là sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, sông Ba,...

d) Sinh vật, biển – đảo

Quan sát hình 2, em hãy xác định trên lược đồ vị trí của các Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, Bạch Mã và Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An.



Hình 3. Vườn quốc gia Bạch Mã
(Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng)



Hình 4. Khu dự trữ sinh quyển thế giới
Cù Lao Chàm – Hội An (Quảng Nam)

Sinh vật ở vùng Duyên hải miền Trung rất đa dạng, có nhiều loài quý hiếm đang được bảo tồn trong các khu dự trữ sinh quyển thế giới, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên,...

Duyên hải miền Trung có vùng biển rộng lớn. Tài nguyên sinh vật biển có trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao. Biển là nguồn tài nguyên quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với người dân trong vùng.

3. Tác động của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất

Quan sát hình 5, hình 6 và đọc thông tin, em hãy nêu:

- Những tác động của thiên nhiên với đời sống và sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 5. Một số tác động của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung

Hằng năm, vùng Duyên hải miền Trung có nhiều thiên tai gây khó khăn đối với sản xuất và đời sống người dân. Vì vậy, cần có các biện pháp phòng, chống thiên tai như dự báo khả năng xảy ra thiên tai, trồng cây, trồng rừng, sơ tán người dân,... để hạn chế thiệt hại và khắc phục hậu quả của thiên tai.



Hình 6. Sơ tán người dân tránh bão ở Hội An (Quảng Nam)



Luyện tập

1. Trình bày đặc điểm địa hình ở vùng Duyên hải miền Trung.
2. Nêu một số tác động của khí hậu, sông ngòi ở vùng Duyên hải miền Trung đến đời sống và hoạt động sản xuất.



Vận dụng

Em làm gì để chia sẻ với các bạn học sinh ở vùng Duyên hải miền Trung khi có thiên tai xảy ra?

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể được tên một số bãi biển, cảng biển của vùng Duyên hải miền Trung.
- Nêu được một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển,...).



Khởi động

Hình 1 và hình 2 gợi cho em điều gì về hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung?



Hình 1. Kéo lưới



Hình 2. Cảng Quy Nhơn (Bình Định)



Khám phá

1. Dân cư

Đọc thông tin, em hãy:

- Nêu tên một số dân tộc ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Cho biết người dân vùng Duyên hải miền Trung phân bố chủ yếu ở đâu.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Chăm, Thái, Raglai,...

Năm 2020, vùng Duyên hải miền Trung có hơn 20 triệu người. Phần lớn dân cư của vùng phân bố ở đồng bằng và ven biển. Ở miền núi, dân cư thưa thớt.

2. Một số vật dụng chủ yếu trong đời sống người dân

Quan sát hình 3, 4, 5, 6 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số vật dụng chủ yếu có liên quan đến đời sống của người dân ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 3. Thuyền thúng



Hình 4. Lưới đánh cá



Hình 5. Khạp, lu, chum, vại,...



Hình 6. Gùi

Người dân ở mỗi vùng miền đều có những vật dụng đặc trưng, phục vụ hữu ích cho đời sống và sản xuất. Những vật dụng gắn liền với người dân miền biển là thuyền thúng, lưới đánh cá,... Trong khi đó, những chiếc gùi, dao phát cỏ,... lại gắn liền với cuộc sống các đồng bào miền núi.

3. Một số hoạt động kinh tế biển

Vùng Duyên hải miền Trung có đường bờ biển dài và vùng biển rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển.

a) Làm muối

Quan sát hình 7 và đọc thông tin, em hãy:

- Cho biết một số điều kiện thuận lợi để sản xuất muối ở vùng Duyên hải miền Trung.
- Kể tên một số nơi làm muối nổi tiếng ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều nắng, ít mưa, nước biển mặn và sạch,... tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất muối. Muối của vùng có chất lượng tốt, phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, xuất khẩu,... Vùng Duyên hải miền Trung có sản lượng muối biển lớn nhất cả nước. Những nơi sản xuất muối nổi tiếng của vùng là Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Cà Ná (Ninh Thuận), Hòn Khói (Khánh Hoà),...



Hình 7. Thu hoạch muối (Ninh Thuận)

b) Đánh bắt và nuôi trồng hải sản

Quan sát hình 8, hình 9 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số hải sản nổi tiếng ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 8. Đánh bắt cá (Khánh Hoà)



Hình 9. Nuôi tôm trên cát (Thừa Thiên Huế)

Duyên hải miền Trung là vùng đánh bắt và nuôi trồng hải sản lớn của nước ta. Sản lượng thủy sản của vùng đứng thứ hai cả nước (sau vùng Nam Bộ). Các hải sản nổi tiếng của vùng là cá ngừ đại dương, cá thu, cá bớp, tôm hùm,...



Em có biết?



Hình 10. Tôm hùm bông

Nghề nuôi tôm hùm

Ở Việt Nam, tôm hùm được nuôi chủ yếu từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Hiện nay, tôm hùm bông và tôm hùm xanh đang là hai loại tôm được nuôi nhiều nhất cả nước.

Thông qua hoạt động đánh bắt trên biển, ngư dân vùng Duyên hải miền Trung góp phần bảo vệ chủ quyền biển – đảo nước ta.

c) Du lịch biển

Quan sát hình 11, hình 12 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số bãi biển ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có nhiều bãi biển và vịnh biển đẹp tạo điều kiện cho hoạt động du lịch biển phát triển. Một số bãi biển nổi tiếng của vùng là Sầm Sơn (Thanh Hoá), Cửa Lò (Nghệ An), Cảnh Dương,



Hình 11. Bãi biển Mũi Né (Bình Thuận)

Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Mỹ Khê (Đà Nẵng), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Nha Trang (Khánh Hòa), Ninh Chữ (Ninh Thuận), Mũi Né (Bình Thuận),... Hằng năm, vùng Duyên hải miền Trung thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng.

d) Giao thông đường biển

Quan sát hình 12, hình 13 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số cảng biển ở vùng Duyên hải miền Trung.



Hình 12. Lược đồ phân bố một số cảng biển và bãi biển của vùng Duyên hải miền Trung

Đường bờ biển có nhiều vịnh sâu và kín gió là điều kiện thuận lợi xây dựng các cảng biển ở vùng Duyên hải miền Trung. Giao thông vận tải biển là thế mạnh và giữ vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế của vùng.

Hầu hết các tỉnh trong vùng đều có cảng biển. Một số cảng biển quan trọng của vùng là: Nghi Sơn (Thanh Hoá), Sơn Dươg (Hà Tĩnh), Tiên Sa (Đà Nẵng), Dung Quất (Quảng Ngãi), Cam Ranh (Khánh Hoà),...



Hình 13. Cảng Tiên Sa (Đà Nẵng)



Luyện tập

- Vẽ sơ đồ về các hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung theo gợi ý dưới đây:



- Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng khai thác cá biển ở một số vùng của Việt Nam, năm 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Nam Bộ
50	200	1 320	1 360

Dựa vào bảng số liệu trên, em hãy:

- Xếp thứ tự các vùng theo sản lượng khai thác cá biển giảm dần.
- Tính và cho biết sản lượng cá biển của vùng Duyên hải miền Trung năm 2020 gấp bao nhiêu lần sản lượng cá biển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Vận dụng

Hãy viết một đoạn văn ngắn mô tả một trong các bãi biển ở vùng Duyên hải miền Trung để giới thiệu đến bạn bè cùng lớp.

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng Duyên hải miền Trung, có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).



Khởi động

Em hãy kể tên các di sản ở vùng Duyên hải miền Trung mà em biết.



Khám phá

1. Các di sản thế giới

Quan sát hình 3, em hãy xác định vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung được mệnh danh là “Con đường di sản” – nơi hội tụ những giá trị văn hoá, lịch sử và thiên nhiên của Việt Nam, nổi tiếng với nhiều di sản thế giới được UNESCO công nhận.



Em có biết?

Mộc bản triều Nguyễn là di sản tư liệu thế giới đầu tiên của Việt Nam, được UNESCO công nhận vào năm 2009. Đây là các bản khắc chữ trên gỗ cung cấp nhiều tư liệu quý giá, đặc biệt là tư liệu khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.

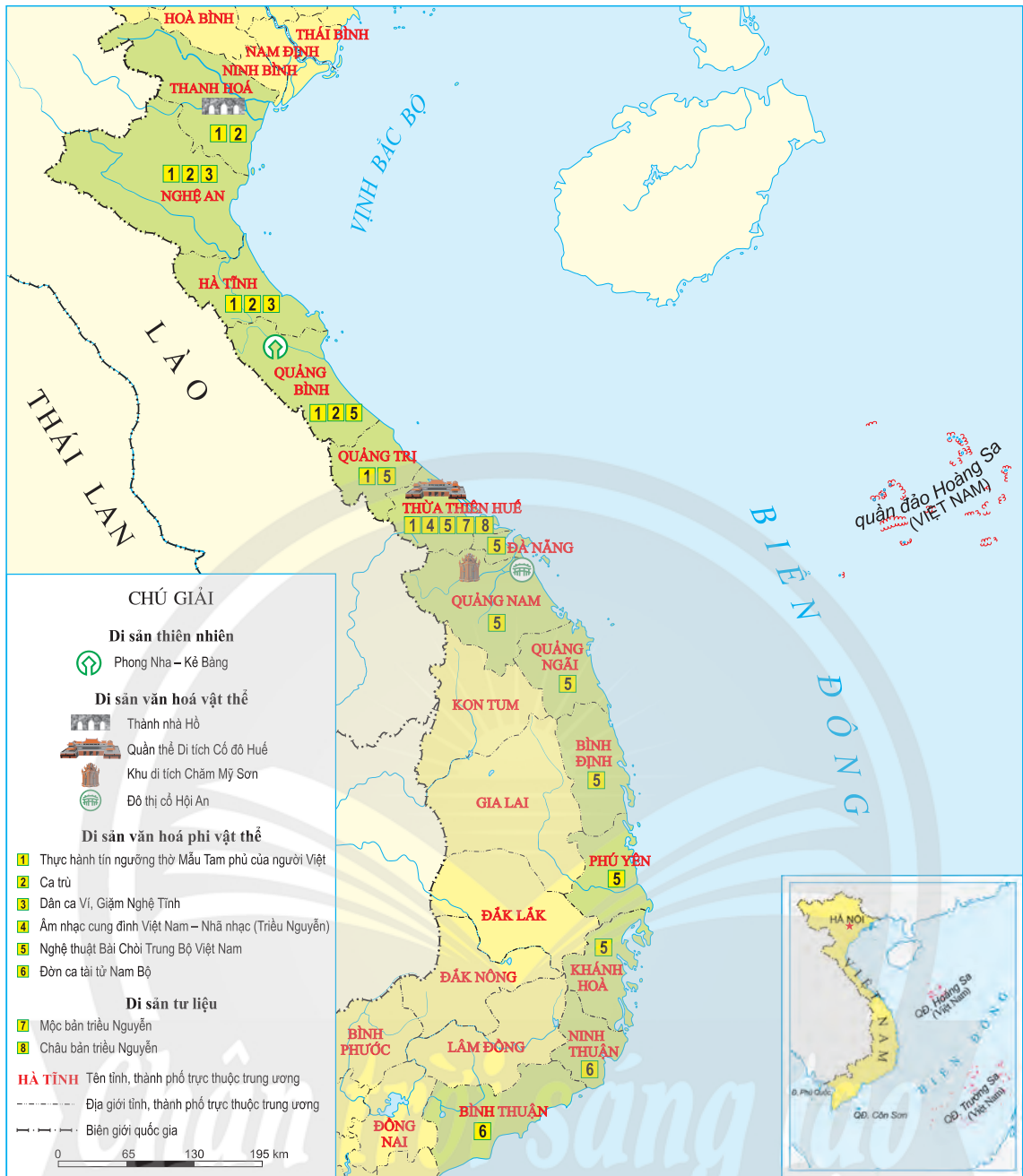


Hình 2. Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình)



Hình 1. Mộc bản triều Nguyễn

Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Vườn quốc gia có hơn 300 hang động, các sông ngầm và hệ động thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ thế giới.



Hình 3. Lược đồ các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung, năm 2020

2. Một số điểm nổi bật về văn hoá

a) Ẩm thực

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy kể tên các món ăn tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung và cho biết điểm nổi bật của ẩm thực miền Trung.

Ẩm thực của vùng Duyên hải miền Trung hầu hết đều mang hương vị đặc trưng là cay và đậm đà. Ngoài những món ăn mặn, còn có các loại bánh, chè và thường được chế biến từ mạch nha, đường phèn,...



Hình 4. Bún bò Huế



Hình 5. Mì Quảng



Hình 6. Kẹo cu đơ Hà Tĩnh

b) Lễ hội

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, 9, em hãy chọn và mô tả một lễ hội tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung.

Vùng Duyên hải miền Trung có rất nhiều lễ hội: lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Lam Kinh, lễ hội Đền vua Mai, lễ hội Vía Bà,...

Lễ hội Lam Kinh

Lễ hội được tổ chức hằng năm vào ngày 22 tháng 8 âm lịch (ngày giỗ của vua Lê Thái Tổ) tại khu vực Lam Kinh thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.



Hình 7. Lễ hội Lam Kinh ở Thanh Hoá năm 2012

Phần lễ được thực hiện theo nghi thức cổ truyền như: màn trống hội, cờ hội, rước kiệu. Sau phần lễ là các chương trình nghệ thuật tái diễn các sự kiện như Hội thể Lũng Nhai, giải phóng thành Đông Quan, vua Lê Thái Tổ đăng quang, phát huy hào khí Lam Sơn,...

Lễ hội Lam Kinh thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên đồng thời góp phần bảo tồn những nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

Lễ hội Cầu Ngư

Lễ hội thường được tổ chức từ 12 tháng Giêng đến tháng 6 âm lịch hằng năm, tùy thuộc mỗi địa phương.

Phần lễ với nghi thức quan trọng nhất là cúng Cá Ông (cá voi), tương truyền đã giúp đỡ ngư dân lúc gặp nạn. Phần hội chủ yếu là các trò chơi dân gian đặc trưng của cư dân vùng biển như đua thuyền, lắc thúng, bơi lội, đan lưới, kéo co,...



Hình 8. Lễ hội Cầu Ngư ở Đà Nẵng năm 2019

Lễ hội Ka-tê (Kate)

Lễ hội Ka-tê của người Chăm được tổ chức vào tháng 7 hằng năm theo lịch Chăm (tháng 9 hoặc tháng 10 dương lịch). Các nghi lễ truyền thống gồm: lễ rước y trang, đại lễ cúng mừng Ka-tê tại tháp chính,... Lễ hội Ka-tê còn có phần hội với các trò chơi dân gian như thi đi cà kheo, làm bánh gừng, thi giã gạo, đội nước vượt chướng ngại vật,... Lễ hội mang ý nghĩa cầu mưa thuận gió hoà và còn là dịp để những người Chăm đang sinh sống, làm việc ở khắp mọi nơi trở về đoàn tụ với gia đình.



Hình 9. Lễ hội Ka-tê ở Bình Thuận năm 2018



Luyện tập

Em hãy liệt kê những tỉnh, thành phố của vùng Duyên hải miền Trung có di sản văn hoá thế giới. Kể tên những di sản đó.



Vận dụng

Em hãy viết một bức thư cho một người bạn để giới thiệu về một nét văn hoá tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung.

CỔ ĐÔ HUẾ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cổ đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được vẻ đẹp của Cổ đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu như: Kinh thành Huế, Chùa Thiên Mụ, các lăng của vua Nguyễn,...
- Kể lại được một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cổ đô Huế.
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cổ đô Huế.



Khởi động

Hãy chia sẻ những điều em biết về Cổ đô Huế.



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Quần thể di tích Cổ đô Huế.



Hình 1. Lược đồ hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2021

Cố đô Huế là kinh đô của nhà Nguyễn, xây dựng từ đầu thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX, nay thuộc địa phận thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới vào năm 1993.

2. Vẻ đẹp của Cố đô Huế

Quan sát các hình từ 2 đến 5 và đọc thông tin, em hãy mô tả vẻ đẹp của Cố đô Huế qua các danh lam thắng cảnh và một số công trình tiêu biểu.

a) Sông Hương, núi Ngự



Hình 2. Sông Hương, núi Ngự

Sông Hương và núi Ngự là hai thắng cảnh nổi tiếng của đất cố đô. Sông Hương bắt nguồn từ dãy Trường Sơn chảy qua thành phố Huế và đổ ra cửa biển Thuận An. Dọc theo hai bờ sông có các cung điện, chùa chiền, lăng tẩm,...

Cùng với sông Hương, núi Ngự góp phần tạo nên vẻ sơn thủy hữu tình của Huế. Núi Ngự không chỉ là nơi che chắn cho kinh thành Huế mà còn là nơi có thể ngắm sông Hương và toàn cảnh Huế.

b) Kinh thành Huế

Kinh thành Huế là một công trình đồ sộ, có kiến trúc đặc sắc, với 3 vòng thành, lần lượt là Kinh thành, Hoàng thành và Tử Cấm Thành.

Hoàng thành là nơi vua và các triều thần điều hành việc nước. Tử Cấm Thành là chốn cung cấm dành riêng cho vua và gia đình.



Hình 3. Một phần kinh thành Huế nhìn từ trên cao

c) Chùa Thiên Mụ

Chùa Thiên Mụ, còn gọi là chùa Linh Mụ, được chúa Nguyễn Hoàng cho xây dựng vào năm 1601. Chùa nằm bên bờ bắc sông Hương với hai công trình kiến trúc chính là tháp Phước Duyên và điện Đại Hùng. Qua nhiều lần trùng tu, ngôi chùa vẫn giữ được vẻ đẹp uy nghiêm, cổ kính góp phần vào vẻ đẹp của Cố đô Huế.



Hình 4. Chùa Thiên Mụ

d) Các lăng của vua Nguyễn



Hình 5. Lăng vua Khải Định

Các lăng của vua Nguyễn được xây dựng ở những khu vực cao, trên đồi lớn.

Với kiến trúc độc đáo, chạm khắc tỉ mỉ, các lăng vua Nguyễn trở thành một bộ phận quan trọng trong tổng thể kiến trúc của Cố đô Huế.

3. Một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế

Đọc thông tin, em hãy chọn và kể lại một câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế.

Cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế

Đêm mùng 4 rạng sáng 5 – 7 – 1885, Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế. Quân Pháp ban đầu bị bất ngờ nhưng sau đó với sức mạnh từ vũ khí và lực lượng, cuộc phản công của Tôn Thất Thuyết bị thất bại, ông phải đưa vua Hàm Nghi ra Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, ông nhân danh vua Hàm Nghi ra “Dụ Cần vương” – kêu gọi người dân đứng lên giúp vua, cứu nước. Đây là sự mở đầu cho phong trào Cần vương, thể hiện rõ ý chí, tinh thần yêu nước, chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

(Theo Đỗ Bang, *Biến cố kinh đô Huế và phong trào Cần Vương (1885 – 1896)*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2017)

Qua Bảo Đại thoái vị

Ngày 30 – 8 – 1945, tại Ngọ Môn (Huế), trước sự chứng kiến của hàng ngàn người dân nơi đây. Bảo Đại là vị vua cuối cùng của triều đình nhà Nguyễn. Sau khi đọc chiếu thoái vị và trao lại cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ấn bằng vàng và một thanh gươm bằng vàng nạm ngọc, tượng trưng cho quyền lực của chế độ phong kiến.

(Theo Phan Thứ Lang, *Bảo Đại vị vua triều Nguyễn cuối cùng*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1999)

4. Một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế

Quan sát các hình 6, 7 và đọc thông tin, em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.



Hình 6. Mái Phủ Văn Lâu bị sập do thời gian tàn phá



Hình 7. Phủ Văn Lâu sau khi được trùng tu

Một số biện pháp bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế:

- Không làm hư hại các di sản văn hoá.
- Tiến hành trùng tu các di tích đã xuống cấp.
- Giữ gìn sạch đẹp môi trường di tích, danh lam thắng cảnh.
- Giới thiệu những nét đẹp của Cố đô Huế.



Luyện tập

Em hãy chọn và mô tả một danh lam thắng cảnh hoặc một công trình kiến trúc tiêu biểu của Cố đô Huế và cho biết tại sao em chọn công trình này.



Vận dụng

Em hãy viết một thông điệp để quảng bá vẻ đẹp của Cố đô Huế.

PHỐ CỔ HỘI AN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (ví dụ: Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,...) có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.



Khởi động

Quan sát hình 1, em hãy chọn và gọi tên di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung được UNESCO công nhận.



a



b



c

Hình 1. Một số di sản của Việt Nam



Khám phá

Chân trời sáng tạo

1. Vị trí địa lí

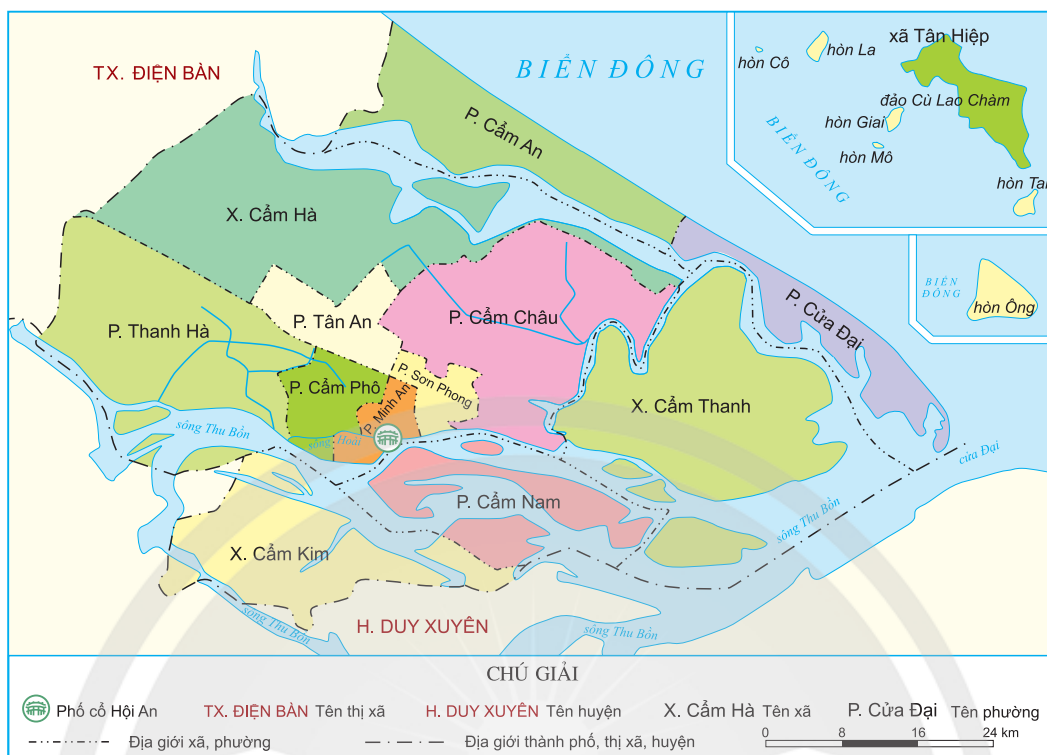
Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của phố cổ Hội An.

Phố cổ Hội An thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Phần lớn phố cổ nằm ở phường Minh An, bên bờ sông Hoài – một nhánh của sông Thu Bồn.



Em có biết?

Tháng 12 năm 1999, phố cổ Hội An đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới.



Hình 2. Lược đồ hành chính thành phố Hội An, năm 2021

2. Một số công trình kiến trúc tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 6, em hãy cho biết:

- Phố cổ Hội An có những công trình tiêu biểu nào.
- Điểm nổi bật của từng công trình này là gì.

Phố cổ Hội An là nơi lưu giữ nhiều di tích còn khá nguyên vẹn như bến cảng, các phố cổ, nhà thờ tộc họ, đình, chùa, đền miếu, hội quán. Một số công trình kiến trúc tiêu biểu là Chùa Cầu, Nhà cổ Phùng Hưng, Hội quán Phúc Kiến,...

a) Chùa Cầu Nhật Bản

Chùa Cầu ban đầu là một cây cầu được dựng bởi các thương nhân người Nhật Bản vào khoảng thế kỉ XVI, nên còn có tên gọi là cầu Nhật Bản. Năm 1653, ở sườn cầu phía bắc được dựng thêm phần chùa nên cây cầu được gọi là Chùa Cầu.

Năm 1719, chúa Nguyễn Phúc Chu thăm Hội An, đặt tên cho chiếc cầu là “Lai Viễn Kiều” với ý nghĩa là “Cầu đón khách phương xa”.



Hình 3. Chùa Cầu

Kiến trúc Chùa Cầu

Chùa Cầu dài khoảng 18 m, rộng khoảng 3 m; có kiến trúc pha trộn của Nhật Bản, Trung Hoa và Việt Nam. Tất cả hệ khung của công trình làm bằng gỗ, có ba hệ mái tương ứng với ba phần cầu. Mái công trình lợp ngói âm dương với những chi tiết trang trí tinh xảo. Đặc biệt có những đồ gốm men lam được khảm trên mái.

(Theo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hoá Hội An, Chùa Cầu, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2022)

b) Hội quán Phúc Kiến

Hội quán Phúc Kiến là nơi sinh hoạt cộng đồng của người Hoa cùng quê đến Hội An buôn bán và là nơi để thờ cúng các vị tiền hiền, các vị thần che chở cho cuộc sống của người dân địa phương. Hội quán được xây dựng theo kiểu đền miếu cổ Trung Hoa với mái lợp ngói ống.



Hình 4. Hội quán Phúc Kiến



Hình 5. Bên trong Hội quán Phúc Kiến

c) Nhà cổ Phùng Hưng

Nhà cổ Phùng Hưng có kết cấu hai tầng với dạng nhà ống, hẹp ở chiều ngang và chiều sâu khá dài. Những lớp ngói âm dương đều tắm tấp được tính toán theo thuật phong thủy ngũ hành tạo nên một sắc thái đặc trưng. Không gian bên trong nhà chính thiết kế rộng rãi, dành cho buôn bán với chỗ bán hàng, kho hàng và phòng thờ.



Hình 6. Nhà cổ Phùng Hưng

3. Một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An

Em hãy đề xuất một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

Một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An:

- Có ý thức bảo vệ các công trình trong khu phố cổ;
- Tiến hành trùng tu các công trình đã xuống cấp trong khu phố cổ;
- Tích cực tuyên truyền, quảng bá vẻ đẹp của phố cổ Hội An.



Luyện tập

Em hãy chọn và mô tả một công trình kiến trúc tiêu biểu của phố cổ Hội An mà em có ấn tượng.



Vận dụng

Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về phố cổ Hội An.

Bài 19

THIÊN NHIÊN VÙNG TÂY NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, đất đai, khí hậu, rừng,...) của vùng Tây Nguyên.
- Nêu được nét điển hình của khí hậu thông qua đọc số liệu về lượng mưa, nhiệt độ của một địa điểm ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.



Khởi động

Nêu hiểu biết của em về thiên nhiên vùng Tây Nguyên.



Hình 1. Đất đỏ badan (Đắk Lắk)



Hình 2. Hồ Tuyền Lâm (Lâm Đồng)



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí của vùng Tây Nguyên.
- Nêu tên các quốc gia, vùng tiếp giáp với Tây Nguyên.

Vùng Tây Nguyên giáp với Lào và Cam-pu-chia (Cambodia), giáp các vùng Duyên hải miền Trung và Nam Bộ. Tây Nguyên là vùng không giáp biển.



Hình 3. Lược đồ địa hình vùng Tây Nguyên

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Dựa vào bảng 1, quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí của các cao nguyên của vùng Tây Nguyên.
- Nêu tên các cao nguyên. Cao nguyên nào cao nhất và thấp nhất?

Bảng 1. Độ cao trung bình của các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên

Tên cao nguyên	Độ cao trung bình (m)
Kon Tum	500
Pleiku	800
Đắk Lắk	500
Mơ Nông	800
Di Linh	1 000
Lâm Viên	1 500

Địa hình vùng Tây Nguyên chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng, có độ cao khác nhau, tạo nên các bậc địa hình. Cao nguyên Lâm Viên cao 1 500 m, nơi đây có Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng.

b) Khí hậu

- Dựa vào bảng 2, em hãy:
- + Liệt kê các tháng mùa mưa và các tháng mùa khô ở Pleiku.
- + So sánh lượng mưa giữa các tháng mùa mưa và các tháng mùa khô ở Pleiku.
- + Cho biết chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất ở Pleiku là bao nhiêu.
- Nêu đặc điểm cơ bản của khí hậu vùng Tây Nguyên.

Bảng 2. Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng ở Pleiku (Gia Lai)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	3	7	28	95	226	357	453	493	360	181	57	13
Nhiệt độ (°C)	19	21	23	24	24	23	22	22	22	22	21	19



Mùa khô



Mùa mưa

Khí hậu vùng Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, một số nơi địa hình cao có khí hậu mát mẻ. Lượng mưa lớn, chủ yếu tập trung vào mùa mưa. Mùa khô, nhiều tháng có hiện tượng khô hạn.

c) Đất

Đọc thông tin, em hãy cho biết loại đất chính ở vùng Tây Nguyên.

Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng Tây Nguyên là đất đỏ badan, phân bố tập trung ở các cao nguyên, thuận lợi trồng cây công nghiệp lâu năm.

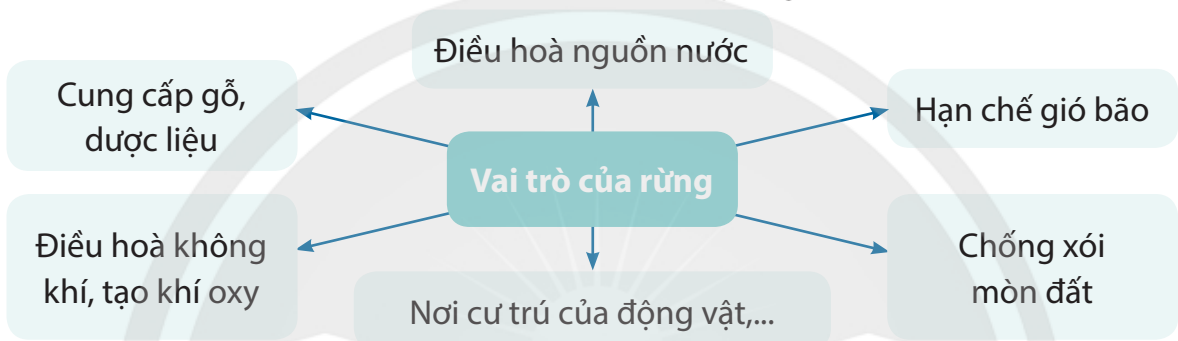
d) Rừng

- Quan sát các hình 3, 4, 5 và đọc thông tin, em hãy:
- Kể tên một số vườn quốc gia, các kiểu rừng chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.
 - Nêu vai trò của rừng và một số biện pháp bảo vệ rừng ở vùng Tây Nguyên.

Vùng Tây Nguyên có diện tích rừng lớn, trong rừng có nhiều loại động vật và thực vật quý hiếm. Rừng khộp là kiểu rừng đặc trưng của Tây Nguyên, cây rụng lá vào mùa khô do tình trạng nắng nóng và thiếu nước, dễ xảy ra cháy rừng. Những nơi mưa nhiều phát triển rừng rậm nhiệt đới, cây xanh tốt quanh năm.



Hình 4. Rừng khộp vào mùa khô
(Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk)



Hình 5. Một số vai trò của rừng ở vùng Tây Nguyên

Rừng Tây Nguyên có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Những hoạt động phá rừng, khai thác rừng không hợp lí, ... gây ra nhiều hậu quả đối với thiên nhiên và con người. Vì vậy, chúng ta cần ngăn chặn phá rừng; phòng, chống cháy rừng; có kế hoạch trồng, tái tạo rừng sau khi khai thác; tuyên truyền bảo vệ rừng; ...



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm tự nhiên của vùng Tây Nguyên.
2. Vì sao cần phải bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?



Vận dụng

Em hãy vẽ một bức tranh tuyên truyền bảo vệ rừng.

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TÂY NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện,...).



Khởi động

Hình 1, hình 2 gợi cho em điều gì về hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên?



Hình 1. Thu hoạch cà phê



Hình 2. Nhà máy thủy điện Đồng Nai 3 (Lâm Đồng)

1. Dân cư

Dựa vào bảng số liệu và thông tin, em hãy:

- Kể tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Cho biết quy mô và mật độ dân số của vùng Tây Nguyên năm 2020.
- So sánh quy mô và mật độ dân số của vùng Tây Nguyên năm 2020 với các vùng khác.

Vùng Tây Nguyên có nhiều dân tộc sinh sống như: Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Kinh,... Các dân tộc cùng tạo nên bản sắc văn hoá độc đáo của vùng Tây Nguyên.

Quy mô dân số và mật độ dân số các vùng, năm 2020

Vùng	Quy mô dân số (nghìn người)	Mật độ dân số (người/km ²)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	14 063	139
Đồng bằng Bắc Bộ	21 583	1 431
Duyên hải miền Trung	20 343	212
Tây Nguyên	5 932	109
Nam Bộ	35 662	554

Tây Nguyên là vùng thưa dân. So với các vùng khác trong cả nước, Tây Nguyên có số dân và mật độ dân số thấp nhất.

2. Hoạt động sản xuất

a) Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số cây công nghiệp và vật nuôi chủ yếu ở vùng Tây Nguyên. Cho biết nơi phân bố của chúng.



Hình 3. Lược đồ phân bố một số cây công nghiệp, vật nuôi, nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên

Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, vùng Tây Nguyên có thể mạnh phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn. Đây là vùng trồng cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu là cà phê, hồ tiêu, cao su, chè,... Tây Nguyên có đàn gia súc lớn. Nhiều trang trại nuôi bò lấy thịt, trang trại bò sữa phát triển ở Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk,...

b) Phát triển thủy điện

Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy kể tên một số nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên. Cho biết các nhà máy đó được xây dựng trên những sông nào.

Tây Nguyên là vùng sản xuất thủy điện quan trọng của nước ta. Trên các hệ thống sông Đồng Nai, sông Sê-rê-pốk, sông Sê San,... nhiều nhà máy thủy điện đã và đang được xây dựng. laly là nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Tây Nguyên. Sản xuất thủy điện không chỉ phục vụ cho vùng Tây Nguyên mà còn cung cấp nguồn năng lượng quan trọng cho các vùng khác.



Em có biết?

Sông Sê San được hợp lưu bởi sông Krông Pô Kô và Đắk Bla.

Sông Sê-rê-pốk được hợp lưu bởi các sông: Krông Ana, Krông Nô, Ea H'leo,...

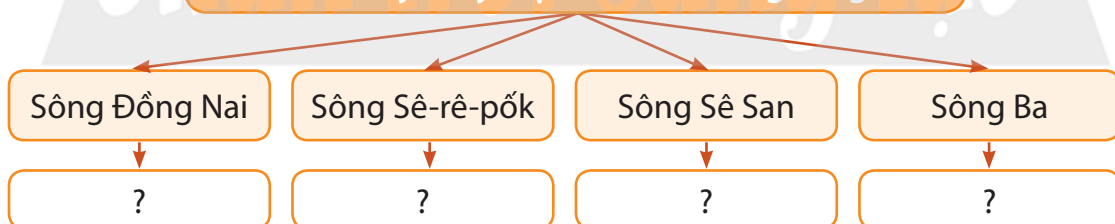
Hệ thống sông Sê-rê-pốk và sông Sê San có vai trò rất quan trọng ở vùng Tây Nguyên.



Luyện tập

1. Dựa vào hình 3, em hãy xác định trên lược đồ nơi trồng cây cà phê, cao su, chè và nuôi bò ở vùng Tây Nguyên
2. Căn cứ vào hình 3, em hãy hoàn thành sơ đồ theo mẫu sau và ghi vào vở:

Nhà máy thủy điện trên các dòng sông



Vận dụng

Em hãy sưu tầm thông tin về một sản phẩm nông nghiệp của vùng Tây Nguyên và giới thiệu với các bạn cùng lớp.

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ LỊCH SỬ CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN



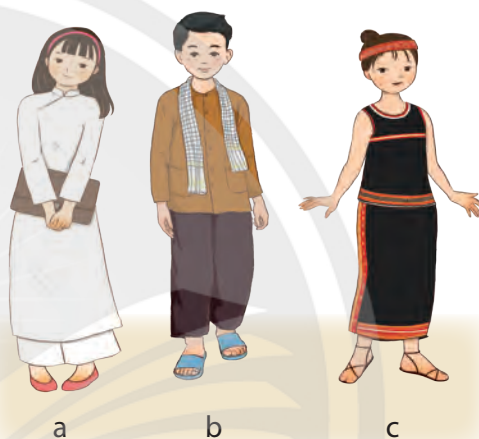
Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét chính về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về anh hùng Núp, N'Trang Lơng,...



Khởi động

Em hãy cho biết bạn học sinh nào dưới đây đang mặc trang phục của đồng bào Tây Nguyên.



Khám phá

1. Một số nét về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên

a) Nhà Rông

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy mô tả nhà Rông ở Tây Nguyên.



Hình 1. Nhà Rông



Hình 2. Một phần nghi lễ cầu mưa diễn ra bên trong nhà Rông

Một trong những nét văn hoá nổi bật của các dân tộc ở vùng Tây Nguyên là nhà Rông. Đây là nơi lưu giữ những nét đẹp truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên.

Nhà Rông được xây dựng ở vị trí trung tâm, cao ráo, có mặt bằng rộng, thuận lợi cho sinh hoạt cộng đồng. Nhà Rông có vai trò chính là nơi để hội họp, tiếp khách,... Khi làm nhà Rông, người dân chủ yếu sử dụng các vật liệu như gỗ, mây, tre, nứa, lá. Nhà Rông càng to đẹp chứng tỏ buôn làng càng giàu có, thịnh vượng.

b) Trang phục

Quan sát các hình 3, 4 và đọc thông tin, em hãy cho biết người dân Tây Nguyên thường mặc trang phục bằng chất liệu gì. Màu sắc chủ đạo trong trang phục là những màu nào?



Hình 3. Trang phục một số dân tộc

Trang phục truyền thống của đồng bào các dân tộc ở vùng Tây Nguyên được may bằng chất liệu thổ cẩm – loại vải dệt thủ công. Màu sắc chủ đạo là màu đỏ và đen. Nam thường đóng khố, nữ thường quấn váy kết hợp với trang sức như vòng cổ hay vòng tay.



Hình 4. Dệt thổ cẩm

c) Lễ hội

Quan sát các hình 5, 6 và đọc thông tin, em hãy nêu một số nét chính về lễ hội đua voi và lễ hội mừng lúa mới ở Tây Nguyên.

Vào mùa xuân hoặc sau mỗi vụ thu hoạch, người dân vùng Tây Nguyên thường tổ chức các lễ hội như lễ hội đua voi, lễ hội cồng chiêng, lễ mừng lúa mới, lễ tạ ơn cha mẹ,...

Lễ hội đua voi

Lễ hội đua voi ở Tây Nguyên được tổ chức 2 năm một lần, vào tháng 3 âm lịch. Phần lễ thường sẽ có lễ cúng bến nước, lễ cúng sức khỏe cho voi,... Phần hội được diễn ra với các phần thi voi chạy tốc độ trên cạn và chạy dưới nước. Lễ hội đua voi phản ánh những nét văn hoá đặc sắc của người dân tộc Tây Nguyên.



Hình 5. Hội đua voi

Lễ mừng lúa mới



Hình 6. Lễ mừng lúa mới

Lễ mừng lúa mới là phong tục lâu đời của các dân tộc sinh sống ở Tây Nguyên, thường được tổ chức vào khoảng tháng 11, 12 dương lịch hằng năm, sau khi thu hoạch lúa. Phần lễ chung được tổ chức để cúng thần lúa. Bà con trong thôn bản cùng nhau ăn uống, nhảy múa theo tiếng cồng chiêng vang vọng. Lễ mừng lúa mới là bản sắc văn hoá độc đáo của đồng bào

Tây Nguyên cầu cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu và gia đình sung túc, cuộc sống ấm no ở các buôn làng.

2. Truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên

Đọc thông tin, em hãy cho biết những hoạt động nào của anh hùng N'Trang Lơng, anh hùng Núp thể hiện tinh thần yêu nước của đồng bào Tây Nguyên.

Đồng bào Tây Nguyên có truyền thống kiên cường chống giặc ngoại xâm, với nhân vật tiêu biểu như anh hùng Núp, N'Trang Lơng,...

Tù trưởng N'Trang Lơng

N'Trang Lơng (1870 – 1935) là tù trưởng dân tộc Mnông. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước ở buôn làng thuộc tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc tỉnh Đắk Nông). Cầm thù giặc Pháp xâm lược, ông lãnh đạo các dân tộc ở Tây Nguyên như Mnông, Xtiêng, Mạ,... đứng lên chống thực dân Pháp. Từ năm 1912 đến 1935, ông tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa, tiêu diệt quân địch, trong đó, nổi tiếng là trận nghi binh tiêu diệt địch và viên chỉ huy Pháp Hen-ri Mai-tre (Henri Maitre).

(Theo Nguyễn Tuấn Triết,
Tây Nguyên những chặng đường lịch sử – văn hoá,
NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2007)



Hình 7. Tượng đài anh hùng N'Trang Lơng tại tỉnh Đắk Nông

Anh hùng Núp

Anh hùng Núp (1914 – 1999) tên là Đinh Núp, người dân tộc Ba Na, sinh ra tại một buôn làng ở tỉnh Gia Lai.

Năm 1935, trong một lần quân Pháp về làng bắt phu, dân làng lánh hết vào rừng, một mình Núp ở lại dùng nỏ bắn Pháp chảy máu để chứng minh với dân làng rằng Pháp cũng là người, có thể chống lại được. Sau đó, ông vận động đồng bào dân tộc tham gia các tổ du kích, xây làng chiến đấu chống các cuộc càn quét của quân Pháp, tiêu hao nhiều đơn vị địch đem lại chiến thắng tại địa phương.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) năm 1954, ông cùng đơn vị tập kết ra miền Bắc một thời gian, sau đó trở về tham gia đánh đế quốc Mỹ ở Tây Nguyên.

(Theo Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Ánh Dương, *Anh hùng Núp – người con ưu tú của núi rừng Tây Nguyên*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2010)



Hình 8. Tượng đài anh hùng Núp tại tỉnh Gia Lai

Luyện tập

Em hãy tìm các từ khóa phù hợp với mô tả dưới đây và ghi vào vở.

a) Ngôi nhà chung lớn nhất của buôn làng ở Tây Nguyên.	?
b) Người dân tộc ở vùng Tây Nguyên thường tổ chức lễ hội vào mùa này.	?
c) Loại vải người Tây Nguyên thường dùng để may trang phục truyền thống.	?
d) Người anh hùng đã lãnh đạo các bộ tộc người Mnông, Xtiêng nổi dậy chống thực dân Pháp.	?
đ) Người anh hùng của Tây Nguyên đã tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.	?

Vận dụng

Tìm hiểu và giới thiệu một trang phục dân tộc ở vùng Tây Nguyên mà em ấn tượng.

LỄ HỘI CỒNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.



Khởi động

Quan sát các hình 1, 2, 3 và em hãy cho biết nhạc cụ truyền thống của đồng bào Tây Nguyên.



Hình 1. Cồng chiêng



Hình 2. Đàn pi-a-no (piano)



Hình 3. Đàn đá



Khám phá

1. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy cho biết:

- Chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên là những dân tộc nào.
- Vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên.

Không gian văn hoá Cồng chiêng trải dài ở 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Chủ nhân của Không gian văn hoá này là các dân tộc: Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Mạ,...

Cồng chiêng là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Tây Nguyên. Cồng chiêng thường được sử dụng trong các buổi lễ quan trọng như: lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh, lễ cưới xin, lễ mừng lúa mới,... Cồng chiêng là phương tiện để kết nối cộng đồng và thể hiện bản sắc văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.



Hình 4. Dân tộc Mnông ở tỉnh Đắk Lắk đánh cồng chiêng trong Lễ cúng sức khoẻ cho voi



Hình 5. Tiết học về cồng chiêng của học sinh ở tỉnh Đắk Nông



Em có biết?

Vào năm 2005, Không gian văn hoá CồngchiêngTâyNguyên đã được UNESCO công nhận là Kiệt truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.

2. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy mô tả những nét chính của lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

Lễ hội Cồng chiêng được tổ chức hằng năm ở các tỉnh thuộc Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên. Lễ hội Cồng chiêng tái hiện nghi lễ truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên như lễ mừng lúa mới, lễ cúng cơn mưa đầu mùa,... Lễ hội góp phần thúc đẩy sự giao lưu văn hoá, tăng thêm sự đoàn kết giữa các dân tộc ở Tây Nguyên.



Hình 6. Biểu diễn cồng chiêng của dân tộc Gia Rai



Luyện tập

Vì sao nói Cồng chiêng là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Tây Nguyên?



Vận dụng

Qua những kiến thức đã học, em hãy nêu cảm nghĩ của bản thân về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

Bài 23

THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ



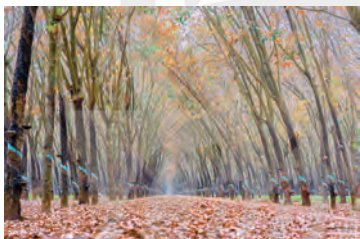
Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát trên bản đồ hoặc lược đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất và sông ngòi,...) ở vùng Nam Bộ.
- Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.



Khởi động

Các hình 1, 2, 3 gợi cho em biết điều gì về thiên nhiên vùng Nam Bộ?



Hình 1. Rừng cao su vào mùa khô (Bình Dương)



Hình 2. Sông Cửa Lớn (Cà Mau)



Hình 3. Biển, đảo Phú Quốc (Kiên Giang)



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 4, em hãy:

- Xác định vị trí vùng Nam Bộ trên lược đồ.
- Tìm và nêu tên các quốc gia, biển, vịnh và các vùng tiếp giáp với vùng Nam Bộ.



Hình 4. Lược đồ tự nhiên vùng Nam Bộ

Vùng Nam Bộ nằm ở phía nam của Tổ quốc, tiếp giáp với Cam-pu-chia, vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung. Nơi đây có vùng biển rộng lớn.



Em có biết?

Mũi Cà Mau (huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau) thuộc vùng đất cực Nam của Tổ quốc trên đất liền. Đây cũng là một địa điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Quan sát hình 4 và đọc thông tin, em hãy xác định trên lược đồ các khu vực địa hình có độ cao: 0 – 50 m, 50 – 200 m, 200 – 500 m của vùng Nam Bộ. Khu vực nào có diện tích lớn nhất?

Phần lớn Nam Bộ có địa hình thấp, khác nhau giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Địa hình ở Đông Nam Bộ có dạng đồi lượn sóng, mang tính chất chuyển tiếp giữa đồng bằng với cao nguyên.

Tây Nam Bộ (còn gọi là Đồng bằng sông Cửu Long) là đồng bằng được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa của sông Tiền và sông Hậu, có địa hình khá bằng phẳng.

b) Khí hậu

Đọc thông tin, em hãy cho biết đặc điểm khí hậu vùng Nam Bộ.

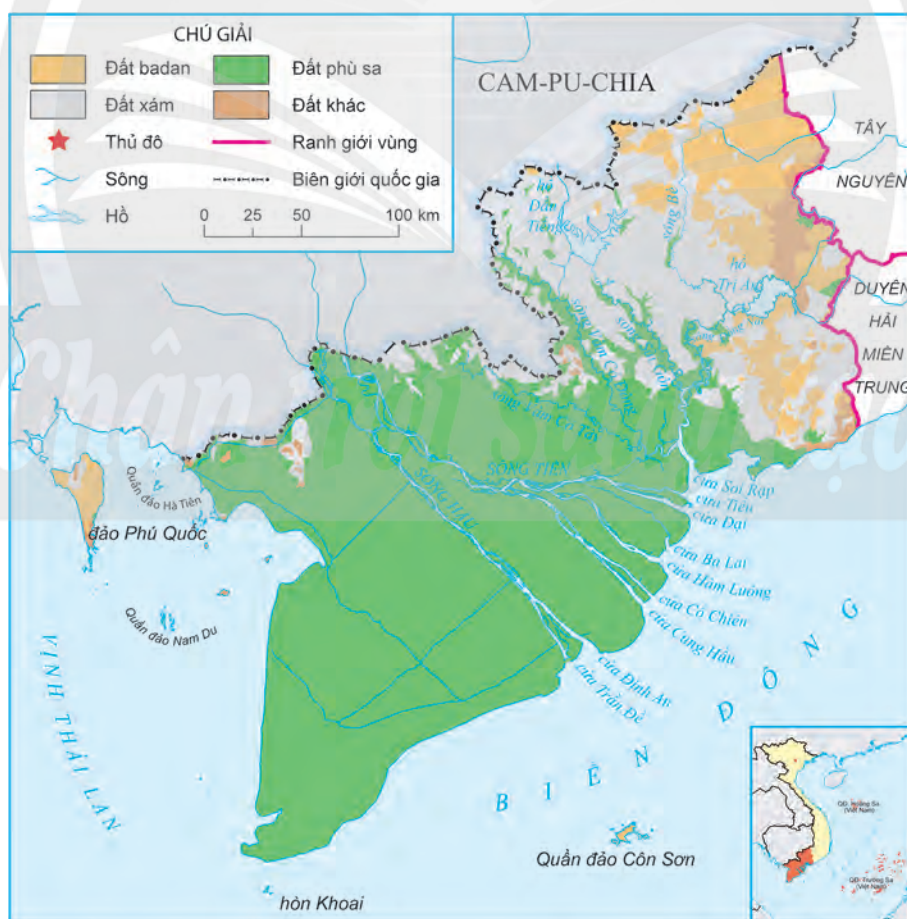
Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm cao, trên 27°C ; lượng mưa lớn, trung bình khoảng 2 000 mm mỗi năm.

Khí hậu được chia thành hai mùa rõ rệt. Vào mùa mưa, khí hậu ẩm ướt. Mùa khô có lượng mưa ít, nắng nóng.

c) Đất

Quan sát hình 5 và đọc thông tin, em hãy:

- Nêu tên các loại đất chính của vùng Nam Bộ.
- Cho biết loại đất nào có diện tích lớn nhất và phân bố ở đâu.



Hình 5. Lược đồ các loại đất chính ở vùng Nam Bộ

Vùng Nam Bộ có nhiều loại đất. Đông Nam Bộ chủ yếu là đất xám và đất đỏ badan, thích hợp cho trồng cây công nghiệp như cao su, cà phê, điều, hồ tiêu,... Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là đất phù sa, thích hợp trồng lúa và cây ăn quả.

d) Sông ngòi

Quan sát hình 4 và đọc thông tin, em hãy:

- Xác định trên lược đồ vị trí các sông của vùng Nam Bộ.
- Cho biết đặc điểm sông ngòi của vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có mạng lưới sông ngòi dày đặc. Các sông lớn của vùng là sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu có nguồn nước dồi dào. Các sông thường có mùa lũ và mùa cạn.



Em có biết?

Sông Mê Công là một trong những dòng sông dài nhất trên thế giới, bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy qua 5 quốc gia. Sông có phần hạ lưu chảy qua nước ta với hai nhánh chính là sông Tiền và sông Hậu. Sông đổ ra biển bằng 9 cửa nên còn có tên khác là sông Cửu Long (chín con rồng).



Hình 6. Sông Hậu đoạn chảy qua thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long

3. Ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt

Quan sát các hình 7, 8, 9, 10 kết hợp hiểu biết của bản thân, em hãy nêu một số ảnh hưởng của thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.

Thiên nhiên Nam Bộ có nhiều thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trong vùng. Địa hình khá bằng phẳng, khí hậu nóng ẩm và đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc và đường bờ biển dài tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành thủy sản và giao thông đường thủy.

Vào mùa khô ở vùng Nam Bộ thường xảy ra tình trạng thiếu nước ngọt và đất nhiễm mặn. Tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển gây ra nhiều thiệt hại cho người dân.



Hình 7. Chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ)



Hình 8. Kênh rạch cạn nước (Bến Tre)



Hình 9. Bắt cá mùa nước nổi (Long An)



Hình 10. Sạt lở bờ sông (Tiền Giang)

Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm thiên nhiên vùng Nam Bộ.

Vận dụng

Em hãy sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một địa danh ở vùng Nam Bộ và chia sẻ với các bạn trong nhóm của mình.

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG NAM BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.
- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.
- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ (ví dụ: sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,...).



Khởi động



Hình 1. Làng nhà bè nuôi cá ba sa trên sông Hậu (An Giang)



Hình 2. Sản xuất cơ khí tại khu công nghiệp An Hạ (Thành phố Hồ Chí Minh)

Hình 1 và hình 2 gợi cho em điều gì về hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ?



Khám phá

1. Dân cư

Đọc thông tin, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.

Nam Bộ là vùng có số dân đông nhất cả nước. Một số thành phố lớn trong vùng là Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Biên Hoà,...

Vùng Nam Bộ có nhiều dân tộc cùng sinh sống như: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm,...

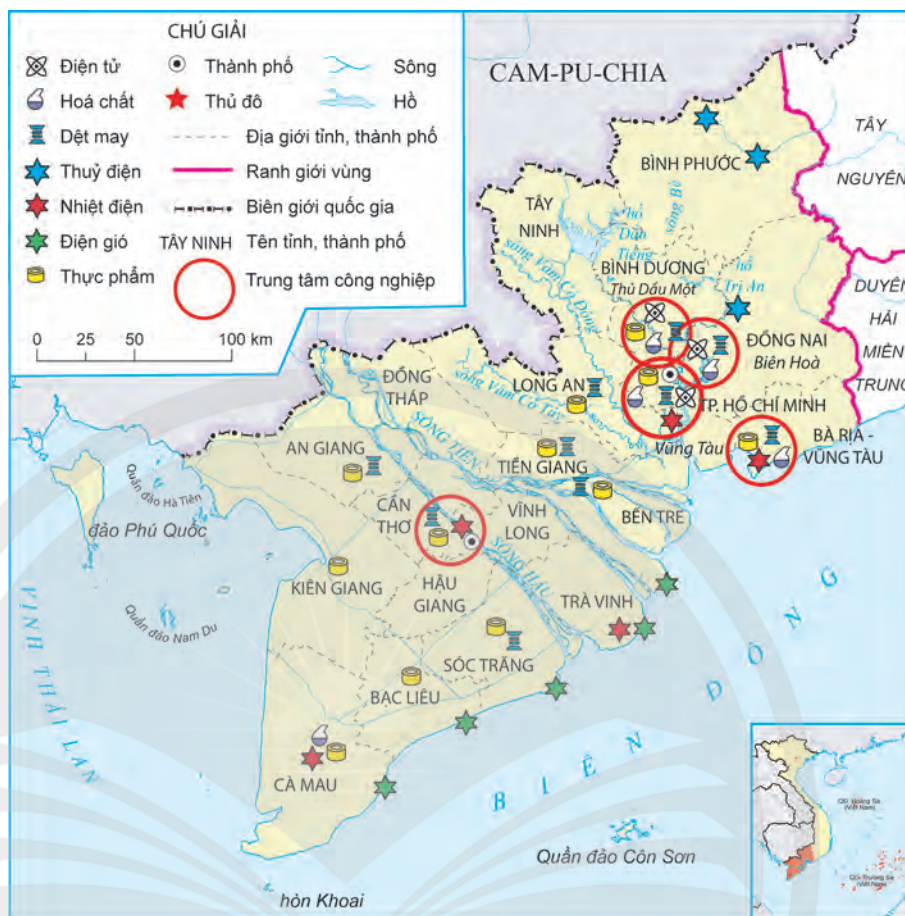
2. Hoạt động sản xuất

a) Công nghiệp

Quan sát hình 3, em hãy:

– Kể tên các ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ.

– Xác định trên lược đồ các trung tâm công nghiệp của vùng.



Hình 3. Lược đồ phân bố một số ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ

Nam Bộ là vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta. Các trung tâm công nghiệp lớn của vùng là Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Vũng Tàu, Cần Thơ,... Hoạt động công nghiệp phát triển chủ yếu ở Đông Nam Bộ.

b) Nông nghiệp

Quan sát hình 4, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số cây trồng, vật nuôi chính ở vùng Nam Bộ.

Sản xuất nông nghiệp của vùng Nam Bộ rất đa dạng và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nam Bộ là vùng sản xuất lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp quan trọng của nước ta. Sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng của vùng là lúa gạo, sầu riêng, chôm chôm, bưởi, cao su, hồ tiêu, cá ba sa, tôm,...



Hình 4. Lược đồ phân bố cây trồng, vật nuôi chính ở vùng Nam Bộ

– Sản xuất lúa

Quan sát hình 4, hình 5 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên các tỉnh trồng lúa chính ở vùng Nam Bộ.
- Nêu vai trò của hoạt động sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có đồng bằng rộng lớn, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước và khí hậu thuận lợi cho phát triển ngành trồng lúa. Đây là vùng sản xuất lúa lớn nhất nước ta. Lúa được trồng nhiều ở Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang,...



Hình 5. Cảnh đồng lúa ở tỉnh An Giang

Hiện nay, do ứng dụng khoa học – kĩ thuật hiện đại nên lúa có năng suất và chất lượng cao. Ngành sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ đảm bảo nhu cầu lương thực trong nước, đồng thời là nơi xuất khẩu gạo lớn nhất cả nước.

– Nuôi trồng thủy sản

Quan sát hình 4, hình 6 và đọc thông tin, em hãy:

- Kể tên một số tỉnh nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.
- Cho biết vai trò của hoạt động nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.

Nam Bộ là vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước. Thủy sản được nuôi trồng chủ yếu ở Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau, Kiên Giang, ... Hình thức nuôi trồng thủy sản đa dạng và ngày càng được cải tiến. Các sản phẩm từ cá ba sa, tôm, ... không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.



Hình 6. Thu hoạch tôm (Cà Mau)



Luyện tập

1. Dựa vào hình 3, em hãy xác định trên lược đồ vị trí các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện gió của vùng Nam Bộ.
2. Kể tên một số ngành công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.
3. Vì sao Nam Bộ là vùng sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước?



Vận dụng

Em thích những sản phẩm nông nghiệp nào của vùng Nam Bộ? Hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về một trong những sản phẩm đó.

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG Ở VÙNG NAM BỘ



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu (ví dụ: nhà ở, chợ nổi, vận tải đường sông,...).
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ, như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định,...



Khởi động

Hãy nêu một số nét văn hoá truyền thống của vùng Nam Bộ mà em biết.



Khám phá

1. Một số nét văn hoá tiêu biểu của người dân Nam Bộ

Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình 1, 2, theo em, người dân Nam Bộ đã làm gì để chung sống hài hoà với thiên nhiên?

a) Nhà ở

Vùng Nam Bộ có nhiều sông ngòi, kênh rạch nên nhà ở của người dân rất đa dạng. Bên cạnh những ngôi nhà xây bằng gạch, người dân vùng Nam Bộ còn dựng những ngôi nhà lá, nhà sàn, nhà bè. Nhà lá thường được lợp bằng lá dừa nước – loại cây có nhiều ở miền Nam Bộ. Nhà sàn và nhà bè được dựng ở những vùng nước nổi.



Hình 1. Nhà lá



Hình 2. Nhà bè

b) Chợ nổi và vận tải đường sông

Do đặc trưng sông nước, chợ nổi và vận tải đường sông bằng ghe, thuyền, xuồng,... là một trong những nét văn hoá tiêu biểu của người dân Nam Bộ.



Hình 3. Chợ nổi ở Sóc Trăng



Em có biết?

Chợ nổi thường nhộn nhịp nhất vào buổi sáng. Trên thuyền chất đầy hàng hoá, phổ biến là các loại nông sản. Một số chợ nổi đặc trưng của Nam Bộ là Cái Răng (Cần Thơ), Phụng Hiệp (Hậu Giang), Ngã Năm (Sóc Trăng),...

2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ

Dựa vào các thông tin dưới đây, em hãy:

- Kể tên các nhân vật anh hùng của vùng đất Nam Bộ.
- Cho biết những hoạt động nào trong các câu chuyện về các anh hùng thể hiện tinh thần yêu nước của đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ có truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm. Trong cuộc đấu tranh ấy, đã xuất hiện nhiều nhân vật lịch sử tiêu biểu như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định,...

Bình Tây đại nguyên soái Trương Định

Trương Định (1820 – 1864), quê ở Quảng Ngãi. Năm 1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định, ông đã tổ chức nghĩa quân chống giặc ở Gò Công, Tân An. Năm 1862, nhà Nguyễn đầu hàng giặc, nhưng Trương Định kiên quyết kháng Pháp đến cùng và được nhân dân suy tôn là “Bình Tây đại nguyên soái”. Ngày 20 – 8 – 1864, Trương Định bị thương nặng và hi sinh.

(Theo Nguyễn Phan Quang, Lê Hữu Phước, *Khởi nghĩa Trương Định*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004)



Hình 4. Nhân dân Gò Công suy tôn Trương Công Định làm “Bình Tây đại nguyên soái”

Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu Pháp

Nguyễn Trung Trực (1838 – 1868), quê ở Bình Định. Năm 1861, ông đã lãnh đạo nghĩa quân nổi dậy ở Tân An, đặc biệt đã chỉ huy nghĩa quân đốt cháy tàu Hi Vọng của giặc Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông. Sau đó, ông cho lập căn cứ, kiên trì chống giặc khắp vùng Rạch Giá, Hà Tiên và đảo Phú Quốc. Năm 1868, Nguyễn Trung Trực bị bắt và đưa đi hành hình, ông đã dũng dạc hô lớn: “Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

(Theo Nguyễn Văn Khoa, *Anh hùng kháng Pháp Nguyễn Trung Trực*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001)



Hình 5. Chân dung Nguyễn Trung Trực tại đền thờ Rạch Giá

Nữ tướng Nguyễn Thị Định và đội quân tóc dài

Nguyễn Thị Định (1920 – 1992) là một nữ anh hùng tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ. Trong phong trào Đồng khởi (1959 – 1960), bà vừa tham gia chỉ đạo lực lượng vũ trang, vừa huy động lực lượng quần chúng đấu tranh binh vận, chính trị và thành lập nên “Đội quân tóc dài”. Năm 1995, bà được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



Hình 6. Nữ tướng Nguyễn Thị Định



Hình 7. Đội quân tóc dài

(Theo Trần Tích Thành, *Nguyễn Thị Định – Nữ tướng đội quân tóc dài*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội 2011)



Luyện tập

1. Theo em, chợ nổi ở Nam Bộ có gì khác so với các chợ mà em đã biết?
2. Trình bày hiểu biết của em về một nhân vật anh hùng ở vùng đất Nam Bộ.



Vận dụng

Em hãy đề xuất một số hoạt động thiết thực có ý nghĩa, nhằm tri ân những anh hùng có công với đất nước.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình bày được một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử.
- Sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.



Khởi động

Dựa vào hình 1 và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu những điều em biết về Thành phố Hồ Chí Minh.



Hình 1. Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt trước trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh trên lược đồ.

Thành phố Hồ Chí Minh nằm bên sông Sài Gòn, tiếp giáp với Biển Đông và nhiều tỉnh của vùng Nam Bộ.



Hình 2. Lược đồ hành chính Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2021

2. Tên gọi và một số sự kiện lịch sử tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy:

- Nêu một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình bày những sự kiện lịch sử tiêu biểu có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá khứ, Thành phố Hồ Chí Minh còn có các tên gọi khác như: Gia Định, Sài Gòn – Gia Định, Sài Gòn – Chợ Lớn. Từ năm 1976, thành phố được mang tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khi hình thành đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng.

Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định năm 1698

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh chúa Nguyễn vào phía nam, lập nên phủ Gia Định. Sách Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức viết: “lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng nên dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Côn là huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn.”

(Gia Định Thành thông chí, bản dịch Phạm Hoàng Quân, quyển III, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, trang 299)



Hình 3. Tượng Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước năm 1911

Ngày 5 – 6 – 1911, từ Bến Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Người muốn sang phương Tây đến nước Pháp để tìm hiểu xem “nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình”.



Hình 4. Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp trên tàu Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin (Latouche Tréville)

(Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội, 1975, trang 11)

Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975

Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, các đơn vị của Quân đoàn II, bằng xe tăng và pháo binh, tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, buộc Tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

(Theo Hồ Tiến Nghi, Đại thắng 30 – 4 – 1975 – Những người trong cuộc kể lại, NXB Thông tấn, Hà Nội, 2020)



Hình 5. Xe tăng quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập

3. Thành phố Hồ Chí Minh – trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục

Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, 8, 9, 10, 11, cho biết tại sao Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục của cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam. Thành phố có nhiều di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu cùng các trường đại học, các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục lớn. Đặc biệt, thành phố được xem là đầu tàu kinh tế của cả nước.



Hình 6. Chợ Bến Thành, Quận 1



Hình 7. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 5



Hình 8. Bến Nhà Rồng – Bảo tàng Hồ Chí Minh, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 4



Hình 9. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 1



Hình 10. Các tòa nhà cao tầng bên bờ sông Sài Gòn



Hình 11. Nhà thờ Đức Bà, Quận 1



Luyện tập

Em hãy chọn và trình bày một sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh và cho biết tại sao em chọn sự kiện này.



Vận dụng

Sắm vai là một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh đến bạn bè ở các tỉnh, thành phố khác.

ĐỊA ĐẠO CỬ CHI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của Địa đạo Củ Chi trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi, có sử dụng tranh ảnh, tài liệu lịch sử.
- Suy tầm và kể lại được một số câu chuyện lịch sử về đào hầm ở Củ Chi, chống đế quốc Mỹ ở Địa đạo Củ Chi.



Khởi động

Những hình ảnh dưới đây gợi cho em điều gì về Địa đạo Củ Chi?



Hình 1. Lối ra vào địa đạo



Hình 2. Bên trong địa đạo



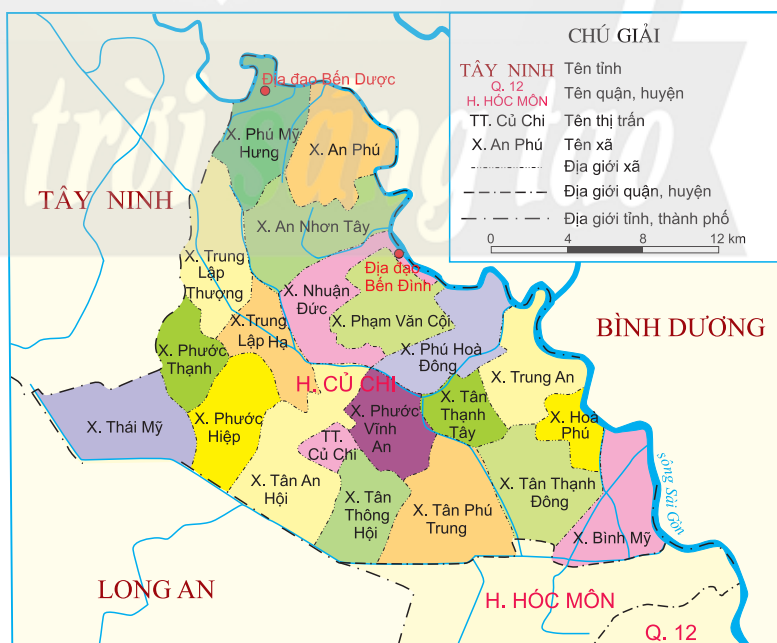
Hình 3. Mô hình mô phỏng cuộc sống bên trong địa đạo



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Quan sát hình 4, em hãy xác định vị trí của huyện Củ Chi và các xã có địa đạo.



Hình 4. Lược đồ hành chính huyện Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh), năm 2021

Địa đạo Củ Chi được đào từ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Hệ thống địa đạo được đào sớm nhất tại xã Tân Phú Trung và Phước Vĩnh An. Trải qua thời gian, địa đạo mở rộng đến các xã phía bắc huyện Củ Chi. Ngày nay, di tích địa đạo được bảo tồn ở khu vực Bến Dược thuộc xã Phú Mỹ Hưng và Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức.



Em có biết?

Năm 2015, Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

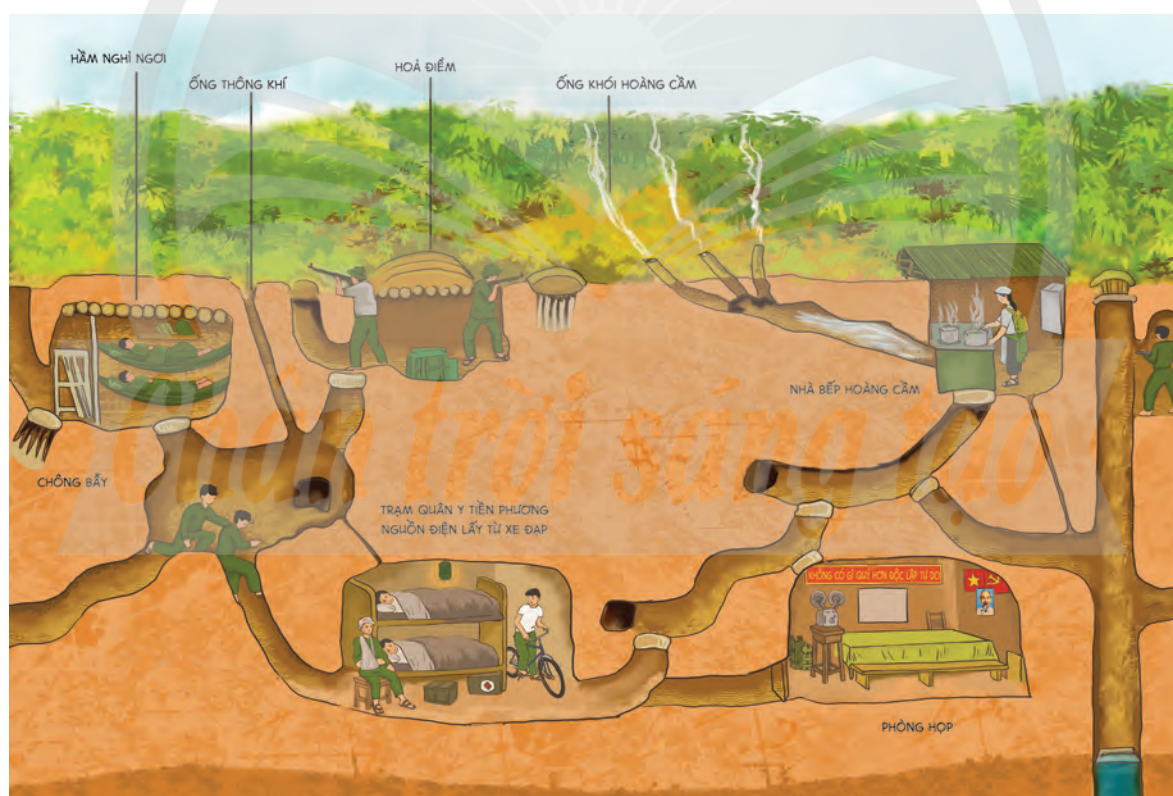


Hình 5. Bảng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Củ Chi

2. Các công trình tiêu biểu

Quan sát các hình 6, 7, 8, 9 và đọc thông tin, em hãy cho biết:

- Địa đạo Củ Chi có những công trình tiêu biểu nào.
- Điểm nổi bật của từng công trình là gì.



Hình 6. Sơ đồ một phần Địa đạo Củ Chi

Địa đạo Củ Chi có tổng chiều dài toàn tuyến hơn 200 km, với ba tầng sâu khác nhau. Người dân và các chiến sĩ sinh hoạt, sản xuất, chiến đấu ngay trong lòng đất.

Một số công trình tiêu biểu trong địa đạo gồm hầm ở, hầm hội họp, hầm giải phẫu, hầm chứa lương thực và vũ khí, lỗ thông hơi, ổ chiến đấu, giếng nước, bếp Hoàng Cầm.

Hầm quân y, hầm giải phẫu được sử dụng như một trạm xá để chữa trị cho các thương binh. Bên trong hầm có các giường bệnh nhỏ và tủ để đựng các vật dụng cứu thương.



Hình 7. Một căn phòng trong hầm quân y



Hình 8. Gian bếp Hoàng Cầm

Bếp Hoàng Cầm có không gian hẹp gồm tủ gỗ, củi khô, nồi niêu,... Bếp có nhiều đường rãnh thoát khói, nối liền với lò bếp, bên trên rãnh đặt những cành cây và phủ một lớp đất mỏng được tưới nước để giữ độ ẩm. Đặc điểm này giúp làm tan loãng khói bếp toả ra khi nấu ăn, nhằm tránh sự phát hiện của quân địch.

Hầm chông được xây dựng như một cái bẫy quân địch, được ngụy trang bằng lá cây, cỏ tự nhiên. Hầm chông được bố trí nhiều ở các cửa hầm.



Hình 9. Hầm chông



Em có biết?

Xung quanh cửa lên xuống hầm được bố trí nhiều hầm chông, hố đinh, mìn trái (gọi là tử địa), có cả mìn lớn chống tăng và mìn phóng lựu đạn chống máy bay trực thăng, nhằm tiêu diệt, ngăn chặn quân địch tới gần. Dưới những khúc địa đạo ở khu hiểm yếu cũng có đặt nhiều hầm chông, hố đinh, cạm bẫy...

3. Những câu chuyện về Địa đạo Củ Chi

Quan sát các hình 10, 11, 12 và đọc các câu chuyện, em hãy nêu cảm nghĩ về việc đào hầm và chống càn quét ở Địa đạo Củ Chi.

Đào hầm Địa đạo Củ Chi

Đào địa đạo là công việc vô cùng vất vả và nguy hiểm. Người dân và các chiến sĩ dùng cuốc đào sâu vào lòng đất tạo thành những đường hầm nhỏ và hẹp. Sau khi đào xong, miệng hầm được ngụy trang để dẫn không khí vào địa đạo. Vào những lúc cấp bách, quân dân tranh thủ đào liên tục ngày đêm. Nhờ có địa đạo, quân và dân Củ Chi đã có nơi trú ẩn an toàn hơn, chiến đấu giành nhiều thắng lợi vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

(Theo Diệp Hồng Phương, *Củ Chi đất lửa hoa hồng*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2017)



Hình 10. Người dân Củ Chi đào địa đạo

Quân dân Củ Chi chống cuộc càn quét "Bóc vỏ Trái Đất" của đế quốc Mỹ năm 1967

Nửa đầu tháng 1 năm 1967, Mỹ đã tiến hành chiến dịch "Bóc vỏ Trái Đất" nhằm thực hiện kế hoạch huỷ diệt toàn bộ vùng đất Củ Chi và các khu vực lân cận. Mỹ đã sử dụng máy bay ném bom kết hợp pháo binh và đội "lính chuột cống" (được tuyển chọn từ những người lính có vóc dáng nhỏ) để phá huỷ địa đạo. Trước cuộc càn quét của địch, quân và dân Củ Chi đã chiến đấu anh dũng và giành nhiều thắng lợi vẻ vang.

(Theo Đặng Việt Thủy, *Địa đạo Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2018)



Hình 11. Xe tăng của Mỹ bị quân dân Củ Chi bắn cháy vào năm 1967



Hình 12. "Lính chuột cống" của Mỹ thâm nhập vào Địa đạo Củ Chi. Ảnh trưng bày tại Khu di tích Địa đạo Củ Chi



Luyện tập

Em hãy kể lại một câu chuyện về Địa đạo Củ Chi mà em ấn tượng.



Vận dụng

Giả sử lớp em vừa thực hiện chuyến tham quan Địa đạo Củ Chi, em hãy mô tả các công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi.

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

* VỚI MỖI CHỦ ĐỀ, HỌC SINH CẦN ÔN TẬP CÁC NỘI DUNG CHÍNH SAU:

1. Thiên nhiên của vùng

Dựa vào kiến thức đã học kết hợp đọc thông tin trong các chủ đề, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Trình bày vị trí địa lí của vùng: Ở đâu? Tiếp giáp với những quốc gia, vùng, ... nào?
- Mô tả thiên nhiên của vùng: địa hình, khí hậu, sông, đất, ...
- Nêu một số vai trò của thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Kể tên một số biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai ở từng vùng: bảo vệ rừng; phòng, chống bão, lũ lụt, ...

2. Dân cư và hoạt động sản xuất

Dựa vào kiến thức đã học kết hợp đọc thông tin trong các chủ đề, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Kể tên một số dân tộc sinh sống trong vùng.
- Nêu được đặc điểm dân cư của vùng: số dân, mật độ dân số, nơi phân bố, ...
- Trình bày một số hoạt động kinh tế chính: nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), công nghiệp, ...

3. Một số nét văn hoá

Dựa vào kiến thức đã học kết hợp đọc thông tin trong các chủ đề, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Kể tên những nét văn hoá tiêu biểu tương ứng với từng vùng.
- Mô tả những nét văn hoá tiêu biểu của từng vùng.

Gợi ý: Các lễ hội văn hoá, ẩm thực, trang phục, danh nhân, ...

4. Những vùng đất, địa danh tiêu biểu

Dựa vào kiến thức đã học kết hợp đọc thông tin trong các chủ đề, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Kể tên những địa danh tiêu biểu được đề cập trong từng vùng.
- Nêu một số tên gọi khác của địa danh trong lịch sử (nếu có).
- Xác định vị trí của những địa danh đó trên lược đồ.
- Kể tên những công trình kiến trúc chính thuộc các địa danh đó.
- Trình bày thông tin về địa danh hoặc vùng đất (tầm quan trọng, sự kiện, nhân vật lịch sử, câu chuyện lịch sử) thông qua các tư liệu tranh, ảnh, tài liệu lịch sử.
- Trình bày cảm nghĩ về địa danh.
- Đề xuất một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị một số di tích của các địa danh.

THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang
Áp thấp nhiệt đới	hiện tượng thời tiết xấu, mưa, gió lớn gây nguy hiểm. Áp thấp nhiệt đới trong quá trình phát triển có thể trở thành bão.	60
Bão	hiện tượng tự nhiên với biểu hiện đặc trưng là gió mạnh kèm theo mưa to, tốc độ gió lên đến 65 km mỗi giờ trở lên.	18, 35, 58, 60, 81, 112
Danh nhân	những người có công trạng với đất nước và được đất nước vinh danh. Họ có thể là những nhà văn hoá, nhà quân sự, nhà khoa học,...	14, 112
Di sản thế giới	những di chỉ hay di tích, danh thắng của một quốc gia như rừng, dãy núi, hồ, sa mạc, quần thể kiến trúc, công trình nghệ thuật,... do các nước tham gia vào Công ước di sản thế giới đề cử cho Ủy ban di sản thế giới, được xét duyệt, công nhận và quản lý bởi Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (viết tắt là UNESCO).	66, 67, 74
Di sản tư liệu	là thuật ngữ được sử dụng bởi Chương trình Ký ức thế giới do UNESCO khởi xướng từ năm 1992 nhằm chỉ những tư liệu, tài liệu có giá trị đặc biệt và có tầm ảnh hưởng rộng lớn trên thế giới. Di sản tư liệu còn được xem là những bảo vật, tài sản quan trọng của quốc gia mà qua đó có thể hiểu được về lịch sử, văn hoá, kinh tế – chính trị và các lĩnh vực xã hội của cả nước hay từng vùng, miền, dân tộc, ngành nghề, dòng họ...	66, 67
Di sản văn hoá phi vật thể	là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác.	25, 30, 67, 90
Di sản văn hoá vật thể	là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	67
Đất đỏ badan	loại đất có màu đỏ được hình thành bởi quá trình phá huỷ đá mắc ma do núi lửa phun trào.	78, 80, 95
Đèo	một đoạn đường vượt qua một dãy núi hoặc một sườn núi, thường được bố trí để đi lại thuận tiện nhất khi qua một dãy núi.	17, 56, 58

Địa đạo	những đường hầm bí mật, đào ngầm dưới lòng đất và liên thông với nhau, dùng để trú ẩn và chiến đấu.	108, 109, 110, 111
Đô thị	điểm dân cư có số dân đông, mật độ dân số cao, hoạt động kinh tế công nghiệp, dịch vụ là chủ yếu.	38, 41, 52
Gió mùa Đông Bắc	gió thổi vào mùa đông, theo hướng đông bắc, đặc trưng lạnh và khô.	35, 58
Hạ lưu	đoạn cuối của dòng sông, khu vực có nước chảy chậm, lòng sông rộng, độ dốc nhỏ.	22, 95
Hợp lưu	nơi có từ dòng chảy gặp nhau.	84
Khí hậu	tổng hợp các điều kiện thời tiết ở một địa phương nhất định, có các biểu hiện khí tượng ổn định trong một thời gian dài, mang tính quy luật và lặp đi lặp lại.	11, 13, 15, 17, 18, 19, 34, 35, 36, 56, 58, 60, 78, 80, 92, 94, 95, 99, 112
Khu bảo tồn thiên nhiên	vùng đất rộng lớn dành cho việc lưu giữ các giống, loài thực vật và động vật quý hiếm, ở đó chúng được tự do sinh sống và phát triển.	59
Khu dự trữ sinh quyển thế giới	khu vực hệ sinh thái trên cạn hoặc ở bờ biển có tác dụng thúc đẩy các giải pháp cân bằng việc bảo tồn sự đa dạng sinh học trên thế giới.	59
Kinh tế biển	bao gồm các ngành kinh tế có hoạt động gắn liền với biển, ví dụ: du lịch biển, giao thông vận tải biển,...	60, 61, 62, 65
Phù sa	hạt vật chất nhỏ, mịn theo dòng nước bồi đắp nên các đồng bằng.	32, 94, 95, 99
Ruộng bậc thang	được hình thành do quá trình cải tạo những sườn dốc thành các mặt bằng thuận lợi cho trồng trọt, là hình thức canh tác phổ biến ở miền núi dốc.	20, 21, 22
Sách đỏ Việt Nam	danh sách các loài động vật, thực vật ở Việt Nam thuộc loại quý hiếm, đang bị giảm sút số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.	34, 66
Thế kỉ	Khoảng thời gian 100 năm (thế kỉ VII được tính từ năm 601 đến năm 700)	9, 45, 50, 71, 75
Thiên tai	những thảm họa do thiên nhiên gây ra như bão, lũ quét, hạn hán,...	15, 18, 19, 56, 59, 60, 112
Thời tiết	các hiện tượng khí tượng như mưa, nắng, gió, nhiệt độ,... xảy ra trong một thời gian ngắn ở một địa phương. Thời tiết luôn thay đổi.	55

Thung lũng	dạng địa hình thấp trũng nằm giữa hai khối địa hình cao hai bên.	17
Thủy điện	nguồn điện năng được sinh ra do dòng nước chảy.	17, 18, 20, 22, 82, 83, 84, 100
Tín ngưỡng	niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.	30
Trung du	dạng địa hình thấp, chuyển tiếp giữa đồng bằng và miền núi với nhiều đồi thấp và thung lũng xen kẽ.	5, 6, 7, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 32, 58, 65, 83
Trùng tu	sửa chữa, khôi phục lại các công trình kiến trúc, các di tích văn hoá, lịch sử.	55, 72, 73, 77
Văn hoá	là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử.	14, 23, 24, 25, 26, 27, 30, 41, 42, 43, 47, 48, 50, 51, 52, 54, 66, 67, 68, 69, 71, 73, 74, 76, 82, 85, 87, 89, 90, 91, 101, 102, 104, 107, 110, 112
Văn hoá dân gian	một bộ phận của văn hoá dân tộc, bao gồm văn học dân gian (ca dao, dân ca, truyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết, truyện cười,...), nghệ thuật dân gian (ca múa nhạc dân gian, tranh dân gian,...), phong tục, tập quán, đạo đức, lễ nghi thịnh hành trong dân gian.	27
Vịnh	nơi biển ăn sâu vào đất liền.	16, 17, 32, 58, 63, 65, 92
Vũng	vịnh nhỏ, ít chịu ảnh hưởng của gió, bão, sóng lớn.	58
Vườn quốc gia	khu vực được thành lập bởi Nhà nước, có những quy định nghiêm ngặt nhằm bảo vệ các loài sinh vật, môi trường thiên nhiên.	34, 36, 56, 59, 66, 80, 81
Xuất khẩu	đưa hàng hoá hoặc vốn ra nước ngoài để buôn bán, kinh doanh.	22, 39, 62, 100

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN NGỌC THANH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẦN

Biên tập mỹ thuật: ĐẶNG NGỌC HÀ

Thiết kế sách: ĐẶNG NGỌC HÀ – NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÓNG THANH THẢO

Minh họa: ĐAN THANH – CÚC HOA – ĐÀO THỊ HÀ

Sửa bản in: NGUYỄN NGỌC THANH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẦN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT
2. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI
3. TOÁN 4 – TẬP MỘT
4. TOÁN 4 – TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 4 Family and Friends
(National Edition) – Student Book
6. ĐẠO ĐỨC 4
7. KHOA HỌC 4
8. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
9. TIN HỌC 4
10. CÔNG NGHỆ 4
11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 4
12. ÂM NHẠC 4
13. MĨ THUẬT 4 (BẢN 1)
14. MĨ THUẬT 4 (BẢN 2)
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.

